

TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CỔ PHẦN PINẮC QUY MIỀN NAM



PINACO



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016

PAC



PINACO



MỤC LỤC

Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng quản trị 1

Thông tin chung 3

| | |
|--|----|
| Quá trình hình thành và phát triển..... | 6 |
| Ngành nghề và địa bàn kinh doanh..... | 8 |
| Thông tin mô hình quản trị, bộ máy quản lý | 12 |
| Định hướng phát triển | 15 |
| Các rủi ro..... | 19 |

Tình hình hoạt động 21

| | |
|--|----|
| Tình hình hoạt động và sản xuất kinh doanh | 23 |
| Tổ chức và nhân sự | 25 |
| Tình hình tài chính | 31 |
| Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu | 33 |

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc 35

| | |
|--|----|
| Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh | 37 |
| Tình hình tài chính | 41 |
| Kế hoạch phát triển trong tương lai..... | 45 |

Đánh giá của Hội đồng quản trị 49

| | |
|---|----|
| Đánh giá của HĐQT về các mặt hoạt động của Công ty..... | 51 |
| Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc..... | 52 |
| Các kế hoạch định hướng của HĐQT | 55 |

Quản trị Công ty 56

| | |
|--|----|
| Hội đồng quản trị..... | 57 |
| Ban kiểm soát | 60 |
| Các giao dịch, thù lao, lương, thưởng của HĐQT, BTGD, BKS..... | 68 |

Báo cáo phát triển bền vững 69

Báo cáo tài chính 85



**TẦM NHÌN
SỨ MỆNH
GIÁ TRỊ CỐT LÕI**

“ PINACO

An vui hành trình – Gia đình hạnh phúc”

Sứ mệnh

Cung cấp giải pháp năng lượng an toàn, hiệu quả và tin cậy cho khách hàng.

Tầm nhìn

Trở thành nhà sản xuất pin và ắc quy hàng đầu khu vực.

Giá trị cốt lõi

Tất cả CB.CNLD PINACO cam kết làm việc và hành xử theo nguyên tắc “4C”



THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính gửi Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà Đầu tư và toàn thể Người lao động.

Thưa Quý vị!

Năm 2016 là năm Công ty đạt được nhiều thành quả lớn, góp phần vào việc tạo lợi nhuận vượt kế hoạch hơn mong đợi (tăng trưởng 12% so với cùng kỳ). Đó là sự đóng góp của toàn thể Cán bộ công nhân viên trong Công ty, cùng đường lối lãnh đạo đúng đắn, sáng suốt của Ban lãnh đạo đã chèo lái con thuyền PINACO vượt qua nhiều khó khăn, thử thách để khép lại một năm 2016 với những thành quả đáng khích lệ.

Với những thành tựu và đóng góp của mình, những năm qua PINACO đã vinh dự được Đảng và Nhà nước tặng thưởng nhiều Huân Huy chương và danh hiệu cao quý như: Huân chương Độc lập hạng Nhất – Nhì – Ba, Huân chương Lao động hạng Nhất – Nhì – Ba. Đặc biệt, năm 2000 Pinaco được Nhà nước CHXHCN Việt Nam phong tặng danh hiệu “Đơn vị Anh hùng Lao động thời kỳ đổi mới”, và được Chính phủ công nhận là “Thương Hiệu Quốc Gia” từ năm 2012 đến nay.

Các sản phẩm pin và ắc quy của PINACO được người tiêu dùng bình chọn là “Hàng Việt Nam - Chất lượng cao” liên tục trong 20 năm liền. Ngoài ra, PINACO còn đạt những danh hiệu khác như Sao vàng Đất Việt, 1 trong 100 thương hiệu mạnh, doanh nghiệp xuất khẩu uy tín năm 2013.

PINACO cam kết luôn hướng tới khách hàng và chỉ cung cấp những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao nhất, xứng đáng với danh hiệu “Thương hiệu Quốc gia đại diện cho ngành pin và ắc quy”.

Chúng tôi cam kết thực hiện chính sách chất lượng như sau:

1. Hướng tới khách hàng: đáp ứng nhu cầu đa dạng của thị trường, cung cấp đầy đủ và kịp thời những sản phẩm có chất lượng ổn định, giá cả phù hợp.
2. Thị trường nội địa là sống còn, thị trường xuất khẩu là phát triển.
3. Đảm bảo cải tiến liên tục nhằm mục tiêu hiệu quả và minh bạch trong mọi hoạt động sản xuất và kinh doanh.
4. Đảm bảo hài hòa lợi ích giữa Cổ đông, Người lao động, Doanh nghiệp, Khách hàng và Cộng đồng.

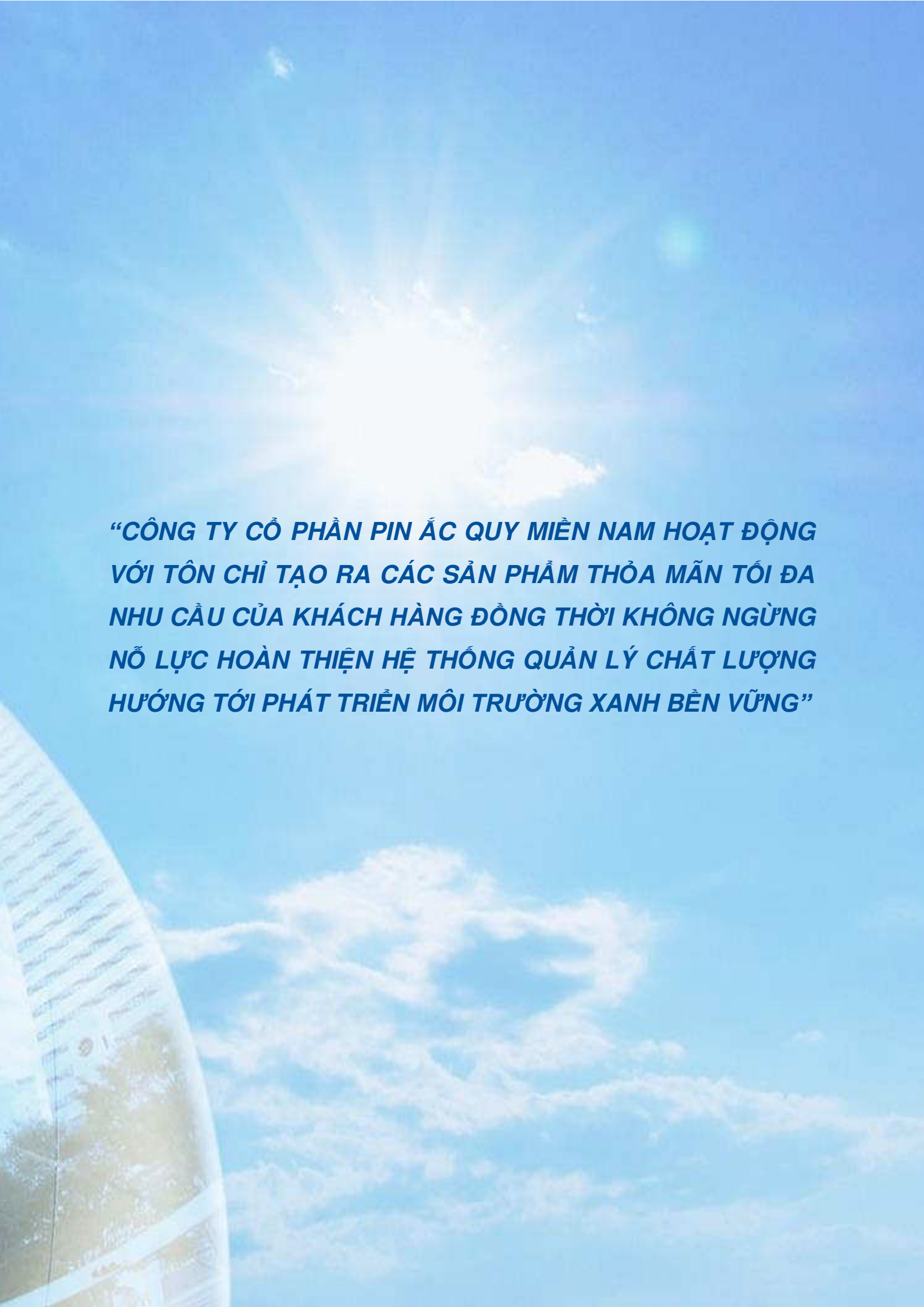
Đối với vấn đề môi trường, Chúng tôi cam kết:

1. Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan.
2. Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường.
3. Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người.

Một lần nữa, thay mặt Hội đồng Quản Trị, Tôi xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà Đầu tư và toàn thể Người lao động đã hợp tác, đồng lòng, chia sẻ khó khăn với Công ty trong suốt thời gian qua. PINACO cam kết sẽ không ngừng nỗ lực đẩy mạnh hoạt động sản xuất kinh doanh để xứng đáng với lòng tin của Quý Cổ đông, Quý Khách hàng, Nhà Đầu tư và toàn thể Người lao động.

Trân trọng!

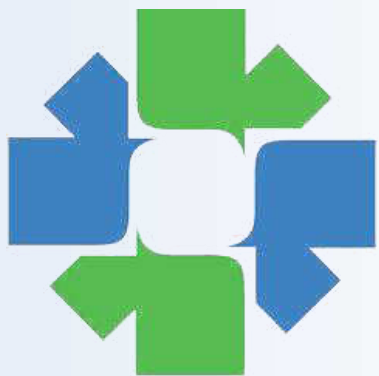
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



***“CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM HOẠT ĐỘNG
VỚI TÔN CHỈ TẠO RA CÁC SẢN PHẨM THỎA MÃN TỐI ĐA
NHU CẦU CỦA KHÁCH HÀNG ĐỒNG THỜI KHÔNG NGỪNG
NỖ LỰC HOÀN THIỆN HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
HƯỚNG TỚI PHÁT TRIỂN MÔI TRƯỜNG XANH BỀN VỮNG”***

Phần I

THÔNG TIN CHUNG



Vietnam Value



ĐO NGƯỜI TIÊU DÙNG
BÌNH CHỌN





PINACO



THÔNG TIN CHUNG

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

| | |
|----------------------|---|
| Tên công ty | : CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM |
| Tên tiếng Anh | : DRY CELL AND STORAGE BATTERY JOINT STOCK COMPANY |
| Tên viết tắt | : PINACO |
| Giấy CNĐKKD | : Số 0300405462 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 23/09/2004 và đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 22/08/2016 |
| Vốn Điều lệ | : 464.717.070.000 VNĐ (Bốn trăm sáu mươi tư tỷ, bảy trăm mười bảy triệu, không trăm bảy mươi nghìn đồng) |
| Trụ sở chính | : Số 321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1, TP. HCM |
| Điện thoại | : (84.8) 3920 3062 – 3920 3063 |
| Fax | : (84.8) 3920 3060 – 3920 3061 |
| Email | : pinaco@pinaco.com.vn |
| Website | : www.pinaco.com |
| Mã cổ phiếu | : PAC |
| Niêm yết tại | : Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) |

Trong suốt quá trình gần 41 năm hình thành và phát triển, với mục tiêu luôn tăng cường năng lực cạnh tranh nội tại để sẵn sàng quá trình hội nhập, PINACO đã đạt được những thành quả đáng tự hào cho Công ty nói riêng cũng như ngành điện hóa nói chung. Trong tình hình cạnh tranh gay gắt của nền kinh tế hội nhập, PINACO vẫn bảo vệ vững chắc vị thế của một doanh nghiệp hàng đầu ngành tại Việt Nam và nhận được nhiều thành tích và danh hiệu cao quý do Nhà nước và các tổ chức trao tặng.



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1976

Công ty Cổ phần Pin Ấc quy Miền Nam (PINACO), trước đây là Công ty Pin Ấc quy miền Nam, được Tổng cục Hóa chất (nay là Tập đoàn Hóa chất Việt Nam) quyết định thành lập vào ngày 19/04/1976 trên cơ sở quốc hữu hóa toàn bộ các nhà máy: pin Con Ó (Vidopin), pin Con Mèo, pin Hột Xoàn, nhà máy bình điện VABCO và nhà máy bình điện VIDEKO.

1993

Ngày 25/05/1993, theo Nghị định 388 của Chính phủ về việc thành lập lại các doanh nghiệp Nhà nước, Bộ Công nghiệp nặng (nay là Bộ Công Thương) ra quyết định số 304/QĐ/TCNSĐT thành lập lại Công ty Pin Ấc quy Miền Nam (PINACO) trực thuộc Tổng Công ty Hóa Chất Việt Nam.

1998

Từ năm 1998, PINACO bắt đầu thực hiện liên tục đầu tư đổi mới thiết bị, nâng cao năng lực sản xuất, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới.

2003

Đầu tư mới Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn tại Khu Công nghiệp Tân Tạo.

2004

Từ ngày 01/10/2004, PINACO chính thức chuyển đổi thành Công ty cổ phần theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 23/9/2004.

2006

PINACO niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.Hồ Chí Minh theo Giấy Phép Niêm yết cổ phiếu số 69/UBCK-GPNY của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và chính thức thực hiện phiên giao dịch đầu tiên vào ngày 12/12/2006 với mã chứng khoán là PAC với giá giao dịch là 40.000 đồng/cổ phiếu.

2011

Đầu tư nhà máy sản xuất ắc quy mới tại Nhơn Trạch, Đồng Nai (Xí nghiệp ắc quy Đồng Nai 2).

2012

PINACO không ngừng đầu tư đổi mới thiết bị, thay thế dần công nghệ sản xuất cũ lạc hậu bằng công nghệ sản xuất mới, phù hợp với nhu cầu công nghệ ngày một cao của thị trường.

2015

Tăng vốn điều lệ từ 269.878.430.000 đồng lên 309.812.930.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

2016

Tăng vốn điều lệ từ 309.812.930.000 đồng lên 464.717.070.000 đồng, theo hình thức phát hành cổ phiếu để trả cổ tức.

CÁC GIẢI THƯỞNG, DANH HIỆU ĐẠT ĐƯỢC

- Cờ Thi đua của Thủ tướng Chính Phủ (2013, 2014, 2015)
- Cờ Thi đua của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam cho Chi nhánh Công ty tại Hà Nội (2016)
- Cờ Thi đua của Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam do có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua lao động giỏi và xây dựng tổ chức công đoàn vững mạnh (2015)
- Huân chương độc lập hạng Nhất (2011, 2015), Nhì (2005), Ba (2002)
- Anh Hùng Lao động thời kỳ đổi mới (2000)
- Huân chương Lao động hạng Nhất (2015), Nhì (2013), Ba (2000, 2001, 2003)
- Thương hiệu Quốc gia (2012, 2014, 2016)
- Top 5 Công ty chăm lo tốt nhất cho người lao động do Tập đoàn Hóa chất Việt Nam công nhận (2015)
- Doanh nghiệp vì người lao động do Công đoàn Công nghiệp Hóa chất Việt Nam và Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam công nhận (2016)
- Chứng nhận Nhà cung cấp Ưu tiên của Tập đoàn Ford Q1 (2014)
- Nhà cung cấp có cải tiến tốt nhất của HONDA (2014)
- Doanh nghiệp xuất khẩu uy tín (2014)
- Top 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (2012)
- Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 20 năm liền (1997 – 2016)
- Chứng nhận ISO 14001 cho hệ thống quản lý môi trường (2012)
- Chứng nhận ISO/TS 17025 cho hệ thống phòng thí nghiệm (2013)
- Chứng nhận ISO 9001 – hệ thống quản lý chất lượng (2011)
- Chứng nhận ISO/TS 16949:2009 – hệ thống quản lý chất lượng dành cho các nhà cung cấp cho ngành công nghiệp ô tô (2011)
- Nhà cung cấp đáng tin cậy (2011)
- Sao Vàng Đất Việt (2009 – 2011)
- Cổ phiếu Vàng (2009)
- TOP 100 thương hiệu hàng đầu Việt Nam (2008)
- Thương hiệu chứng khoán uy tín & công ty cổ phần hàng đầu Việt Nam (2008)
- Top 50 Doanh nghiệp niêm yết tốt nhất Việt Nam (2015, 2016)

NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

❖ Ngành nghề kinh doanh

Những hoạt động chính tạo ra doanh thu và lợi nhuận của Công ty như sau:

- Sản xuất Pin, Ấc quy: Cung cấp đa dạng các chủng loại pin và ắc quy cho thị trường nội địa và xuất khẩu. Bao gồm các loại Pin Carbon kẽm thông dụng và các loại ắc quy cho nhiều mục đích sử dụng như: Ấc quy khởi động dùng cho xe ô tô, xe máy, tàu thuyền; Ấc quy dân dụng dùng thấp sáng, xe điện và Ấc quy công nghiệp các loại, v.v...
- Kinh doanh, xuất nhập khẩu các sản phẩm Pin, Ấc quy và vật tư, thiết bị cho sản xuất kinh doanh pin, ắc quy.

❖ Sản phẩm tiêu biểu

Sản phẩm của PINACO đạt tiêu chuẩn chất lượng hàng đầu với công nghệ được chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản, sản xuất trên các máy móc, thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... và hệ thống quản trị tiên tiến, đáp ứng được yêu cầu khắt khe của nhiều khách hàng và các hãng lắp ráp ô tô, xe máy hàng đầu thế giới tại Việt Nam như Ford Vietnam, thaco, Vietnam Suzuki, Honda Piaggio, Yamaha, Mercedes – Benz Vietnam, Hyunhdai Thành Công, v.v...

✚ Ngành Pin: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như **Con Ó, Eagle** với các kích cỡ sau:

- Pin tiểu: AA, UM3, R6P, LR6
- Pin đũa: AAA, UM4, R03, LR03
- Pin đại: D size, UM1, R20

✚ Ngành ắc quy: có các sản phẩm mang nhãn hiệu như **Pinaco, Đồng Nai, JP, PAC, Sakura**,... sử dụng cho các ứng dụng sau:

- + Cho xe ô tô, xe tải và tàu thuyền:
- + Cho xe gắn máy:
- + Cho thấp sáng, UPS, vợt muối, đèn pin sạc, xe đạp điện,...
- + Cho xe điện, xe golf, lưu điện cho hệ thống Pin mặt trời, viễn thông,...

❖ Địa bàn kinh doanh

Trong nước

- Công ty có 01 văn phòng chính tại Quận 1, TP Hồ Chí Minh; 03 xí nghiệp sản xuất ắc quy và 01 xí nghiệp sản xuất pin đặt tại TP Hồ Chí Minh và tỉnh Đồng Nai;
- 02 chi nhánh tại Hà Nội và Đà Nẵng; 06 cửa hàng giới thiệu sản phẩm cũng được thành lập tại TpHCM, Hà Nội, Đà Nẵng để vận hành hệ thống phân phối trên cả nước. Địa bàn kinh doanh phủ khắp toàn quốc.



Các xí nghiệp sản xuất

- 01 Xí nghiệp sản xuất Pin tại Tp HCM.
- 01 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Tp HCM.
- 02 Xí nghiệp sản xuất Ắc quy tại Đồng Nai.

Các cửa hàng giới thiệu sản phẩm

- 03 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Quận 1 và 6 – Tp HCM.
- 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đồng Nai.
- 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Đà Nẵng.
- 01 cửa hàng giới thiệu và bán sản phẩm tại Hà Nội.

Hệ thống phân phối

• Nhà phân phối và Đại lý

Công ty có hệ thống phân phối/ đại lý bao phủ khắp các tỉnh thành trên toàn quốc và đội ngũ nhân viên thường xuyên bám sát thị trường, hỗ trợ nhà phân phối kinh doanh, triển khai các chương trình thúc đẩy tiêu thụ và hỗ trợ việc bảo hành sản phẩm. Hệ thống phân phối chuyên nghiệp hoạt động hiệu quả đã giúp công ty cạnh tranh thắng lợi trên thị trường và phục vụ tốt cho khách hàng. Chính điều này đã tạo nên khác biệt giữa chất lượng phục vụ của PINACO so với các công ty cùng ngành khác trên thị trường.

• Siêu thị và các cửa hàng

Sản phẩm của Pinaco có mặt ở các siêu thị và cửa hàng lớn nhỏ trên toàn quốc.

Xuất khẩu

Xuất khẩu đóng góp khoảng 18% vào tổng doanh thu của Công ty. Tính đến cuối năm 2016, Công ty xuất khẩu đi hơn 31 quốc gia và vùng lãnh thổ. Công ty duy trì xuất khẩu đi các thị trường truyền thống tại khu vực Trung Đông, các nước Đông Nam Á, Châu Phi, Châu Mỹ La Tinh, v.v... cụ thể như Cambodia, Hong Kong, Myanmar, Nigeria, Algeria, China, Thailand, Sri Lanka, Lebanon, Jordan, Sudan, Syria, v.v... đồng thời có thêm 03 thị trường mới là Afghanistan, Yemen và Indonesia.



Sản phẩm tiêu biểu



Vui lòng xem thêm thông tin về sản phẩm của Công ty tại:

<https://www.pinaco.com.vn/>

THÔNG TIN CHUNG

Khách hàng tiêu biểu



Mercedes-Benz



Go Further



DAEWOO



MAZDA



HYUNDAI



TMT MOTORS



VEAM MOTOR



KIA MOTORS

The Power to Surprise™



YAMAHA



PIAGGIO®

THACO
TRƯỜNG HẢI AUTO



JAC
MOTORS



Way of Life!



T&T GROUP



H HUUTDAN

Arirang®

www.arirang.com.vn



Giá rẻ cho mọi nhà!

VTB

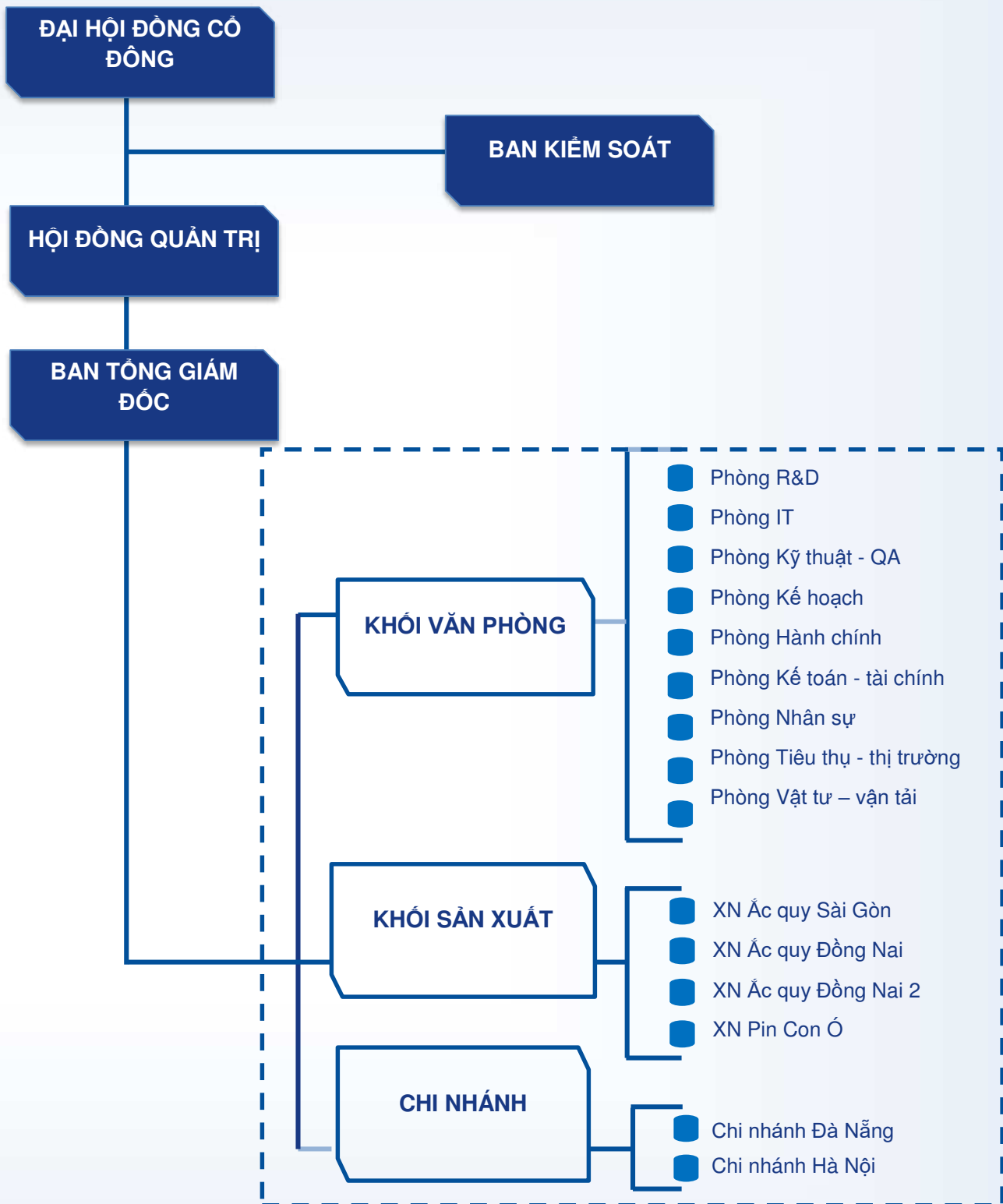
Vitek VTB



co.op mart
bán gạo mọi nhà



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ



THÔNG TIN CHUNG

ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC

CÁC XÍ NGHIỆP



CÁC CHI NHÁNH

Chi nhánh Hà Nội

18 ngõ 44 Đức Giang, P. Thượng Thanh,
Q. Long Biên, Hà Nội
Điện thoại : (84 4) 39 333 611

Chi nhánh Đà Nẵng

348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê,
TP. Đà Nẵng
Điện thoại : (84 511) 3 649 957

TRUNG TÂM BẢO HÀNH

| TRUNG TÂM BẢO HÀNH | | |
|--|--|--|
| Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Bắc | Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Trung | Trung tâm Bảo hành Khu vực Miền Nam |
| Địa chỉ: Số 02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, TP. Hà Nội | Địa chỉ: 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng | Địa chỉ: Lô 64, đường số 2, KCN Tân Tạo, Q. Bình Tân, TP. HCM |
| Điện thoại: (844) 3826 1030 | Điện thoại: (84 511) 3769 055 | Điện thoại: (84 8) 3754 1151 |

CÁC CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM

| CÁC CỬA HÀNG GIỚI THIỆU SẢN PHẨM | | |
|---|---|--|
| 321 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM | 21-23 Trần Hưng Đạo, Quận 1, TP. HCM | 752 Hậu Giang, Quận 6, TP. HCM |
| Điện thoại: (84 8) 8368 529 | Điện thoại: (84 8) 8368 530 | Điện thoại: (84 8) 8368 531 |
| Đường số 1, KCN Biên Hòa 1, tỉnh Đồng Nai | 02 Đặng Thái Thân, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội | 348 Điện Biên Phủ, Q. Thanh Khê, Đà Nẵng |
| Điện thoại: (84 61) 3 836 116 | Điện thoại: (84 4) 38 261 030 | Điện thoại: (84 236) 3 649 952 |



ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

❖ Chiến lược trung và dài hạn

Chiến lược kinh doanh

- Tiếp tục nghiên cứu phát triển các sản phẩm Pin vàẮc quy phù hợp với nhu cầu tiêu thụ trong và ngoài nước.
- Nâng cao năng lực cạnh tranh dựa trên 05 tiêu chí chính là: Chất lượng, giá cả, hệ thống phân phối, chính sách chăm sóc khách hàng và đa dạng hóa sản phẩm.
- Tận dụng các cơ hội khi Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập sâu rộng nhằm mở rộng thị trường tiêu thụ các sản phẩm của Công ty ra toàn cầu.

Chiến lược đầu tư

- Tăng cường đầu tư phát triển quy mô sản xuất đáp ứng yêu cầu thị trường đồng thời với việc triển khai quy hoạch lại sản xuất pin, ắc quy theo hướng chuyên môn hóa nhằm mục tiêu đạt tối đa hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- Tập trung tìm hiểu, nghiên cứu áp dụng công nghệ sản xuất tiên tiến trên thế giới nhằm mục tiêu đa dạng hóa và nâng cao chất lượng sản phẩm, duy trì thị phần đứng đầu cả nước trong ngành.
- Đầu tư đổi mới thiết bị sản xuất pin hiện có và tích cực tìm hướng đầu tư công nghệ mới cho ngành pin.

Chiến lược nguồn nhân lực

- Rà soát và điều chỉnh KPIs năm phù hợp với mục tiêu chung của Công ty và các tiêu chí đánh giá sát với thực tế, phù hợp với chức năng của các đơn vị và làm cơ sở đánh giá xét nâng lương và khen thưởng.
- Phối hợp với các đơn vị triển khai thực hiện giao KPIs cá nhân toàn Công ty.
- Xây dựng lương đóng BHXH theo Thông tư 15/2016/TT-BLĐTBXH.
- Hoàn chỉnh quy định nâng lương công việc và phiên lương công việc toàn Công ty (kết hợp rà soát lương công việc các đơn vị).



❖ Các mục tiêu với môi trường, xã hội và cộng đồng

Chính sách về môi trường

- Luôn tuân thủ nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường thông qua các hoạt động thiết thực như đầu tư hệ thống quản lý môi trường, trang thiết bị thu gom và xử lý, kiểm soát các yếu tố ô nhiễm môi trường theo tiêu chuẩn đã đề ra. Đồng thời, đẩy mạnh công tác tuyên truyền giáo dục nhằm nâng cao ý thức của từng cán bộ công nhân viên trong vấn đề bảo vệ môi trường.
- Đẩy mạnh nghiên cứu, đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm thiểu phát thải ngay từ nguồn, kiểm soát chặt chẽ để giảm thiểu tối đa nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.
- Duy trì hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001.

Trách nhiệm xã hội

- Cam kết sản xuất và cung cấp những sản phẩm có chất lượng tốt, an toàn đối với con người và môi trường phù hợp với các quy định có liên quan. Bên cạnh đó, Công ty cũng cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm có giá thành cạnh tranh nhằm đảm bảo quyền lợi của người mua hàng.
- Tăng cường các công tác hoạt động xã hội nhằm giúp đỡ, chia sẻ với các hoàn cảnh khó khăn; bên cạnh đó đẩy mạnh các hoạt động từ thiện, hỗ trợ cộng đồng góp phần thúc đẩy xã hội phát triển theo hướng phát triển bền vững.



CÁC RỦI RO

❖ Rủi ro vĩ mô

Kinh tế thế giới năm 2016 có nhiều biến động mạnh do ảnh hưởng của các sự kiện chính trị và biến đổi khí hậu dẫn tới tốc độ tăng trưởng kinh tế của hầu hết các quốc gia trên thế giới đều không đạt kế hoạch đã đề ra trước đó. Cụ thể: nền kinh tế lớn nhất thế giới là Mỹ đã trải qua một năm đầy biến động từ kinh tế đến chính trị; Kinh tế Nhật Bản năm qua gặp nhiều khó khăn do đồng Yên tăng giá mạnh làm ảnh hưởng mạnh đến hoạt động xuất nhập khẩu máy móc thiết bị cũng như các đơn hàng trong ngành công nghiệp nước này; GDP của Hàn Quốc năm nay chỉ đạt 2.6% thay vì 2.8% so với dự báo trước đó. Năm 2016 được đánh giá của các thất bại kinh doanh, scandal chính trị và nền kinh tế tăng trưởng ẻo uột.

Cùng với xu hướng chung của nền kinh tế thế giới trong năm 2016, tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 6.21% và không đạt mục tiêu 6,7% đề ra từ đầu năm. Thêm vào đó là những tác động do biến đổi khí hậu thất thường cùng hàng loạt các yếu tố tiêu cực từ bên ngoài như giá cả hàng hóa thế giới giảm, xu hướng bảo hộ mậu dịch đang gia tăng nhanh chóng trên toàn cầu đã khiến cho hoạt động xuất khẩu chung của cả nước trở nên khó khăn hơn so với các năm trước.

❖ Rủi ro lãi suất

Sau khi lãi suất có mức tăng 0,2 - 0,3% trong 3 tháng đầu năm 2016, tới tháng 4 lãi suất tín dụng của cả nước đã ổn định. Đặc biệt giữa tháng 4 và từ cuối tháng 9/2016, một số tổ chức tín dụng đã giảm lãi suất cho vay 0,5 - 1%/năm đối với sản xuất kinh doanh, lĩnh vực ưu tiên. Với đặc thù là một doanh nghiệp đã bước vào giai đoạn phát triển ổn định nên tỷ lệ nợ vay của Công ty dao động ở mức khá cao trong khoảng từ 60% - 70% tổng tài sản tương đương khoảng 500 tỷ đồng. Do vậy, khi có biến động về tăng hay giảm lãi suất trên thị trường sẽ khiến cho chi phí tài chính của Công ty biến động mạnh. Trong năm lãi suất vay bằng VND của Công ty dao động khoảng 3,8% - 6,7%, với USD là 1,4%- 1,5%. Nhìn chung trong năm 2016 với mặt bằng lãi suất ổn định cùng với trình độ quản trị tài chính chuyên nghiệp đã giúp cho công ty quản lý tốt chi phí tài chính của mình.



❖ Rủi ro tỷ giá

Năm 2016, thị trường ngoại hối thế giới biến động chưa từng có, chao đảo khắp nơi từ các nền kinh tế lớn tại châu Âu cho tới các nước mới nổi ở châu Á và châu Mỹ. Bảng Anh lao dốc, Euro xuống mức thấp nhất 14 năm, NDT thấp nhất 8 năm so với USD. Cơ chế tỷ giá trung tâm đi vào hoạt động ngay từ đầu năm đã giúp đồng nội tệ không có biến động mạnh so với các ngoại tệ khác. Tuy nhiên với quyết định ngừng cho vay ngoại tệ đối với các doanh nghiệp xuất khẩu kể từ tháng 3/2016, rồi sau đó mở ra cho vay lại từ tháng 6 đến hết năm 2016, tiếp đó lại cho phép gia hạn đến hết năm 2017 đã khiến cầu ngoại tệ tăng giảm thất thường trong năm. Để chủ động nguồn ngoại tệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh, năm qua Công ty đã lên kế hoạch dự trữ nguồn ngoại tệ phù hợp nhằm đảm bảo hoạt động của Công ty diễn ra liên tục, không bị gián đoạn.

❖ Rủi ro nguyên vật liệu

Năm 2016 do nguồn cung quặng thu hẹp và sản lượng của các nhà máy luyện kim lớn sụt giảm đã đẩy giá kẽm và giá chì thế giới tăng mạnh. Tính đến cuối năm 2016, giá kẽm thế giới tăng hơn 80% trong khi giá chì tăng gần 40% so với đầu năm. Là một doanh nghiệp sử dụng nguồn nguyên liệu đầu vào là chì và kẽm chiếm tỷ trọng lớn trong tổng mức tiêu hao nguyên vật liệu, Công ty đã chủ động tìm kiếm nguồn kẽm trong nước để thay thế nhập khẩu; đối với nguyên liệu chì, Công ty đã thực hiện chính sách mua hàng theo giá thời điểm để tránh biến động do giá thế giới gia tăng. Ngoài ra, Công ty cũng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu, tìm mua các loại vật tư, bán thành phẩm nhằm tạo thế chủ động với biến động giá nguyên vật liệu đầu vào.

**RISK
MANAGEMENT**

❖ **Rủi ro pháp lý**

Do đặc thù ngành sản xuất của Công ty là sản xuất các nhóm sản phẩm có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường cao nên Công ty rất chú trọng từng khâu trong hoạt động sản xuất của mình. Để giảm tối đa hoạt động sản xuất của Công ty ảnh hưởng tới môi trường, Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh yêu cầu về đảm bảo môi trường, trang bị đầy đủ trang thiết bị, phương tiện thu gom xử lý chất thải,...

Bên cạnh đó, Công ty đã niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán TP.HCM nên phải chịu sự điều chỉnh của Luật doanh nghiệp, luật chứng khoán, luật thuế, v.v... các văn bản trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về chính sách sẽ ảnh hưởng tới tình hình quản trị của Công ty. Để giảm thiểu rủi ro về luật pháp, Công ty luôn cập nhật những tin tức mới nhất về các văn bản pháp luật và chỉ đạo các bộ phận có liên quan thực hiện đúng theo quy định mà Nhà nước đã đề ra.

❖ **Rủi ro cạnh tranh**

Tăng cường hợp tác kinh tế quốc tế đã tạo điều kiện cho nhiều doanh nghiệp ngoại tiến vào thị trường Việt Nam mang tới nhiều sản phẩm để cạnh tranh với thị trường nội địa. Những năm qua, hoạt động sản xuất xe ô tô trong nước được Nhà nước khuyến khích kéo theo nhu cầu về ắc quy cũng gia tăng nhanh chóng. Nhìn nhận rõ được thực trạng này, các doanh nghiệp lớn trong ngành ắc quy thế giới đã dần xâm nhập vào thị trường Việt Nam mà điển hình như GS Yuasa. Với lợi thế là một công ty đa quốc gia, GS luôn có lợi thế khi áp dụng các công nghệ mới trong ngành. Để thích nghi với thực trạng này, những năm qua PINACO đã tập trung phát triển các sản phẩm với tiêu chí chất lượng đặt lên hàng đầu với hàng loạt các hoạt động đầu tư nhập khẩu công nghệ từ Châu Âu, Nhật Bản và máy móc thiết bị tiên tiến của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... Hàng loạt các sản phẩm mới ra đời với chất lượng cao đã giúp cho PINACO dần lấy lại vị thế của mình trên thị trường.

❖ **Rủi ro với môi trường**

Bảo vệ môi trường xanh đang là vấn đề được rất nhiều quốc gia trên thế giới quan tâm trong đó có Việt Nam. Hiện nay, Nhà nước đang thực hiện chặt chẽ hơn các chính sách về bảo vệ môi trường để hướng tới mục tiêu phát triển bền vững. Với đặc thù trong ngành sản xuất pin và ắc quy, đây là một trong những hoạt động sản xuất kinh doanh có ảnh hưởng lớn tới môi trường xung quanh do sử dụng nhiều các loại hóa chất có tác động xấu tới môi trường như chì, kẽm, axit... Ý thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, những năm qua PINACO đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Nhà nước về bảo vệ môi trường, đồng thời Công ty cũng đặt ra các quy định riêng nhằm hạn chế tối đa tác động trong hoạt động sản xuất của mình có thể ảnh hưởng tới môi trường xung quanh. Ngoài ra, công tác giáo dục ý thức người lao động trong việc bảo vệ môi trường luôn được Công ty quan tâm, theo dõi và đẩy mạnh nhằm nâng cao ý thức của toàn thể Cán bộ, công nhân viên về việc bảo vệ môi trường xanh.



Phần II

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



PINACCO



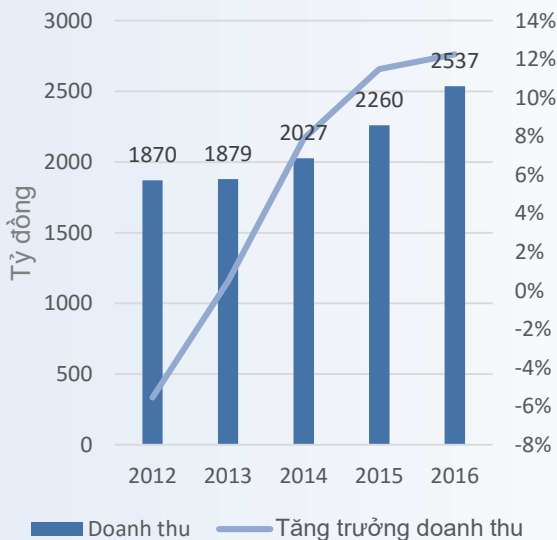
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

| Chỉ tiêu | ĐVT | Thực hiện 2015 | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | TH 2016/ TH 2015 | TH 2016/ KH 2016 |
|----------------------|---------|----------------|---------------|----------------|------------------|------------------|
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.260 | 2.440 | 2.537 | 112,26% | 103,99% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 120 | 130 | 160 | 132,59% | 123,36% |
| Cổ tức | % | 25 | >=12 | (*) 20 | 80% | 166,67% |

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 12%, dự kiến chia thêm 8% và chờ ĐHĐCĐ thông qua

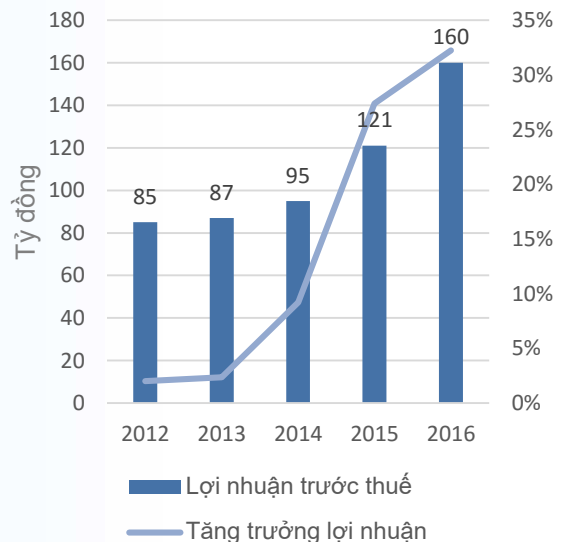
Doanh thu và Tăng trưởng

Giai đoạn 2012 - 2016



Lợi nhuận trước thuế và Tăng trưởng

Giai đoạn 2012 - 2016



Trong năm 2016, PINACO đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với doanh thu đạt 2.537 tỷ đồng tăng 112,26% so với năm 2015 và đạt 103,99% kế hoạch đề ra. Nhờ công tác đầu tư tài chính hiệu quả và quản lý chi phí đầu vào tốt, năm qua lợi nhuận trước thuế đạt 160 tỷ đồng, tăng 132,59% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt 123,36% so với kế hoạch đề ra.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

❖ Ban điều hành

Ông TRẦN THANH VĂN

Chức vụ: Tổng Giám đốc,
thành viên HĐQT kiêm Bí thư
Đảng ủy

Sinh năm: 1960

Quê quán: Bến Tre

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư
Cơ khí – Thạc sĩ Kinh tế

Lý luận chính trị: Cao cấp
chính trị

Số cổ phần nắm giữ: 127.305
cổ phần

Ông LÊ VĂN NĂM

Chức vụ: Phó Tổng Giám
đốc phụ trách Kỹ thuật – Sản
xuất

Sinh năm: 1967

Quê quán: Đồng Tháp

Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư
hóa

Lý luận chính trị: Cao cấp
chính trị

Số cổ phần nắm giữ: 3.577
cổ phần

Ông NGUYỄN DUY HƯNG

Chức vụ: Kế toán trưởng

Sinh năm: 1973

Quê quán: Hà Tĩnh

Trình độ chuyên môn: Cử
nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 852
cổ phần

Ông CAO TRỌNG MIÊN

Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc
phụ trách Đầu tư – Nghiên cứu
phát triển/Trưởng phòng R&D.

Sinh năm: 1968

Quê quán: Thừa Thiên Huế

Trình độ Chuyên môn: Cử nhân
hóa

Số cổ phần nắm giữ: 1.644
cổ phần.

Ông ĐÀO MINH TIẾN

Chức vụ: Trợ lý Tổng Giám đốc
phụ trách Bán hàng– Thị trường

Sinh năm: 1961

Quê quán: TP. Hồ Chí Minh

Trình độ Chuyên môn: Kỹ sư cơ
khí, Cử nhân kinh tế

Lý luận chính trị: Trung cấp
chính trị

Số cổ phần nắm giữ: 9 cổ phần.

Những thay đổi trong Ban điều hành

Ban Tổng giám đốc đã bổ nhiệm

- Bổ nhiệm Ông Đào Ngọc Minh Tiến - Trợ lý TGD kiêm Trưởng phòng Thị trường (Phòng Thị trường vừa thành lập năm 2015)
- Bổ nhiệm Ông Trần Mạnh Thắng - Phó Giám đốc lên vị trí Giám đốc Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai (thay thế Ông Nguyễn Hồng Phúc nghỉ hưu).
- Bổ nhiệm Ông Lê Thanh Hùng lên vị trí Phó phòng KT-QA phụ trách công nghệ.

Ban Tổng giám đốc đã bổ nhiệm và luân chuyển cán bộ

- Điều động và bổ nhiệm Ông Phạm Gia Vinh, từ vị trí Trưởng phòng KT-QA, sang vị trí Giám đốc Xí nghiệp Ác Quy Đồng Nai 2 (thay thế Ông Lê Văn Năm).
- Điều động và bổ nhiệm Ông Lê Hữu Lý, từ vị trí Phó phòng KT-QA, sang vị trí Phó Giám đốc Xí nghiệp Ác Quy Đồng Nai (thay thế Ông Trần Mạnh Thắng).
- Điều động và bổ nhiệm Ông Lê Duy Minh, từ vị trí Trưởng ban KT-QA-KCS Xí nghiệp Ác Quy Đồng Nai, sang vị trí Phó phòng KT-QA phụ trách cơ điện (thay thế Ông Lê Hữu Lý).



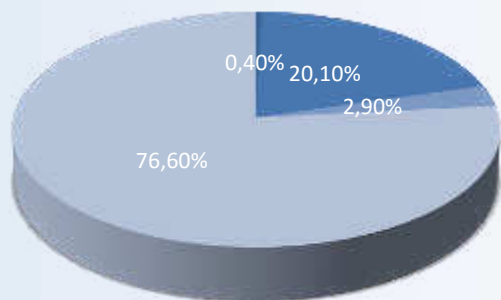
TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

❖ Chính sách đối với người lao động trong Công ty

Cơ cấu lao động Công ty năm 2016

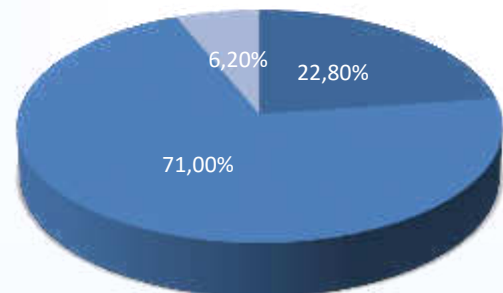
| STT | Tính chất phân loại | Số lượng | Tỷ lệ |
|----------|---|--------------|-------------|
| A | Theo trình độ | 1.136 | 100% |
| 1 | Trên Đại học | 5 | 0,4% |
| 2 | Đại học | 228 | 20,1% |
| 3 | Cao đẳng | 33 | 2,9% |
| 4 | Khác | 870 | 76,6% |
| B | Theo tính chất hợp đồng lao động | 1.136 | 100% |
| 1 | Hợp đồng có xác định thời hạn | 259 | 22,8% |
| 2 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 807 | 71,0% |
| 3 | Hợp đồng theo thời vụ (công nhật) | 70 | 6,2% |

Cơ cấu lao động theo trình độ



■ Trên Đại học ■ Đại học ■ Cao đẳng ■ Khác

Cơ cấu lao động theo hợp đồng

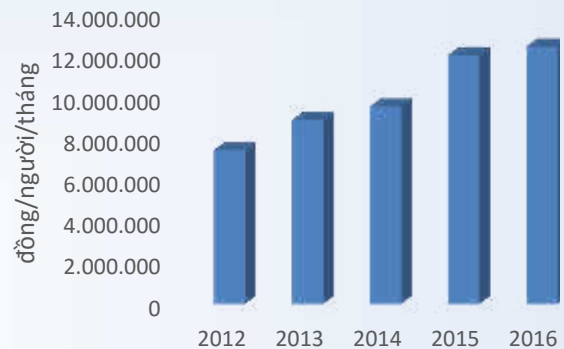


■ Hợp đồng có xác định thời hạn
 ■ Hợp đồng không xác định thời hạn
 ■ Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

❖ Công tác Nhân sự - Tiền lương

- Căn cứ kết quả khảo sát năm 2015, Công ty đã rà soát lại, xây dựng và soạn thảo quy chế lương, thưởng phù hợp với tình hình hoạt động thực tế để trình Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị phê duyệt.

Mức lương bình quân



- Xây dựng và giao quản lý kế hoạch chi phí, giá thành trên từng sản phẩm từng đơn vị vừa khuyến khích thi đua trao thưởng vừa giúp tăng năng suất lao động toàn Công ty.
- Phối hợp với phòng KT-QA và phòng Kế hoạch tích hợp “Mục tiêu chất lượng” và KPIs để các đơn vị dễ dàng thực hiện hơn.
- Ký hợp đồng Bảo hiểm sức khỏe, Bảo hiểm tai nạn 24/24 cho toàn thể cán bộ công nhân viên. Ngoài ra, Công ty đã triển khai thực hiện mua gói Bảo hiểm Nhân Thọ cho cán bộ công nhân viên toàn công ty như một sự ghi nhận những đóng góp của người lao động cho sự phát triển công ty, đảm bảo đời sống vật chất, tinh thần để người lao động an tâm làm việc.

❖ Phong trào thi đua và công tác xã hội

- Trong năm đã phát động 2 chiến dịch thi đua trong quý 1 và quý 4/2016 nhằm hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh. Tiếp tục duy trì phong trào thi đua tiết kiệm chi phí, công tác Bảo hộ lao động, Văn phòng khang trang lịch sự, Nhà ăn, công tác sáng kiến,...
- Chăm lo đời sống cho CB-CNLĐ, những người hưu trí, trợ cấp cho những CNLĐ gặp hoàn cảnh gia đình khó khăn, ủng hộ giúp đỡ các địa phương, nơi nuôi dưỡng người già, trẻ mồ côi khuyết tật

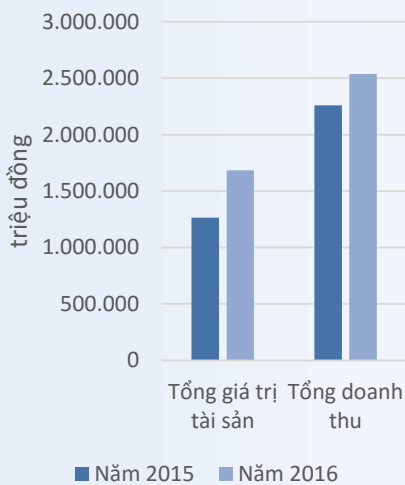
TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Đvt: Đồng

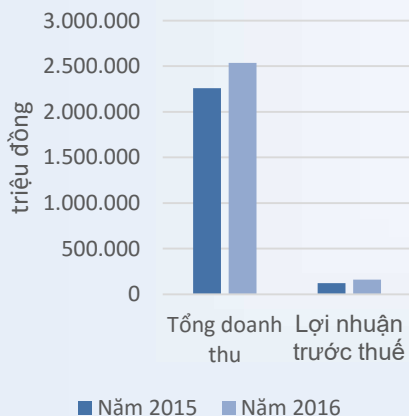
❖ Các chỉ tiêu chính

| Chỉ tiêu | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|-----------------------------------|-------------------|-------------------|-------------|
| Tổng giá trị tài sản | 1.264.214.065.772 | 1.684.003.013.235 | 33,21% |
| Tổng doanh thu | 2.260.209.841.679 | 2.537.379.612.088 | 12,26% |
| Doanh thu thuần | 2.094.677.384.213 | 2.290.907.630.122 | 9,37% |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 121.373.968.131 | 158.944.775.360 | 30,95% |
| Lợi nhuận khác | -422.126.863 | 1.428.219.912 | - |
| Lợi nhuận trước thuế | 120.951.841.268 | 160.372.995.272 | 32,59% |
| Lợi nhuận sau thuế | 90.476.338.470 | 121.341.940.590 | 34,11% |
| Tỷ lệ cổ tức/mệnh giá | 25% | (*) 20% | (20%) |

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 12%, dự kiến chia thêm 8% chờ ĐHCĐ thông qua.



Năm 2016, Tổng tài sản của Công ty đạt trên 1.684 triệu đồng tăng 33,21% so với năm 2015. Tài sản tăng chủ yếu ở khoản mục tài sản ngắn hạn, trong đó đầu tư tài chính ngắn hạn tăng 133,41%, hàng tồn kho tăng 28,68% so với đầu năm. Năm qua, Công ty đã tận dụng rất tốt lợi thế về chênh lệch lãi suất vay ưu đãi và lãi suất đầu tư vào các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 1 năm để tạo hiệu quả cao trong lĩnh vực quản trị tài chính.



Năm 2016, Tổng doanh thu đạt 2.537 tỷ đồng, tăng 12,26% so với cùng kỳ. Trong khi đó lợi nhuận trước thuế đạt 160 tỷ đồng, tăng 32,59%. Để đạt được kết quả này, năm qua Công ty đã tập trung phát triển hệ thống phân phối. Đồng thời, công tác kiểm soát các loại chi phí được thực hiện một cách nghiêm túc và đồng bộ đã góp phần tạo nên tăng trưởng lợi nhuận trong năm qua.

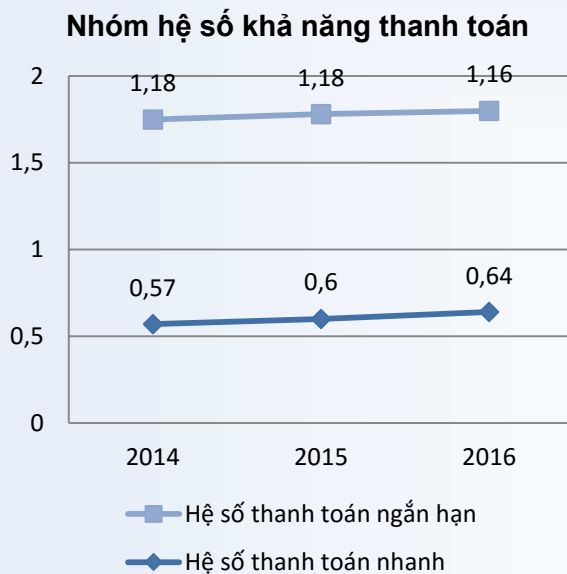


❖ Các hệ số tài chính

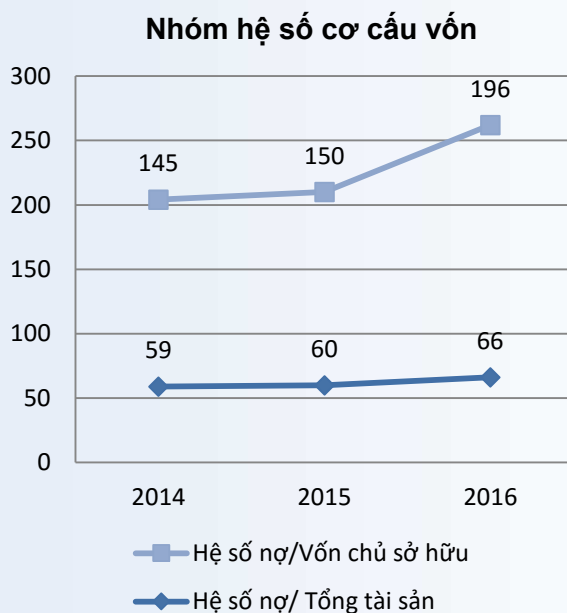
| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|--|------|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| • Hệ số thanh toán ngắn hạn: TSLĐ/Nợ ngắn hạn | Lần | 1,18 | 1,16 |
| Hệ số thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn | Lần | 0,60 | 0,64 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 59,97 | 66,23 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 149,79 | 196,11 |
| Chỉ tiêu về hiệu quả hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho <i>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân</i> | Vòng | 4,07 | 3,79 |
| Vòng quay tổng tài sản <i>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân</i> | Vòng | 1,67 | 1,55 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4,27 | 5,30 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 17,78 | 22,58 |
| Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản bình quân | % | 7,19 | 8,23 |
| Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 5,73 | 6,94 |

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Nhìn chung, năm qua tình hình tài chính của Công ty tương đối ổn định, các hệ số tài chính không biến động nhiều. Cụ thể:

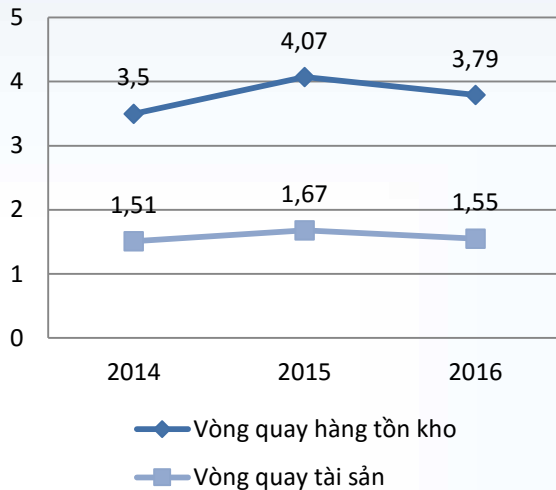


Nhóm hệ số khả năng thanh toán của Công ty được duy trì ổn định. Hệ số thanh toán ngắn hạn >1, cho thấy khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn của Công ty luôn được đảm bảo. Ngoài hàng tồn kho chiếm khoảng 45% tài sản ngắn hạn, còn lại các khoản mục khác đều có tính thanh khoản cao, đảm bảo khả năng thanh toán của Công ty.



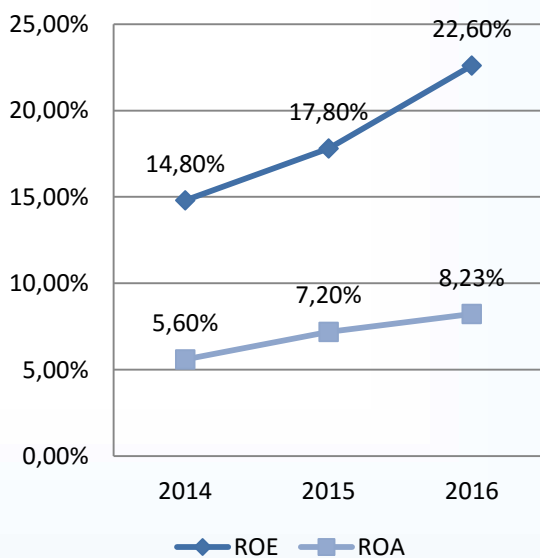
Trong năm 2016, Công ty đã thực hiện đầu tư nhiều dự án như dự án xây dựng nhà xưởng cực âm tại Ấc quy Sài Gòn hay các dự án nâng công suất tại các nhà máy ắc quy bằng vốn vay. Điều này đã tạo nên sự thay đổi trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty theo hướng sử dụng nợ vay nhiều hơn. Tuy nhiên, các khoản nợ vay này đều được đảm bảo bằng tài sản có tính thanh khoản cao nên rủi ro được giảm thiểu rõ rệt.

Nhóm hệ số hiệu quả hoạt động



Năm qua, nhóm hệ số hiệu quả hoạt động giảm nhẹ là do công tác đầu tư vào nhiều dự án, các dự án này đang trong quá trình thực hiện chưa đi vào hoạt động nên chưa mang lại doanh thu cho Công ty. Tuy nhiên, một số dự án đã và sẽ hoàn thành vào năm 2017, do đó dự kiến hiệu quả hoạt động của Công ty sẽ gia tăng mạnh trong thời gian tới.

Nhóm chỉ số khả năng sinh lời



Nhóm chỉ số khả năng sinh lời của Công ty có xu hướng tăng mạnh qua các năm. Nguyên nhân là do Công ty đã áp dụng đồng bộ các biện pháp tăng trưởng doanh thu như tập trung cải tiến chất lượng từng sản phẩm thông qua việc áp dụng công nghệ chuyển giao từ Châu Âu, Nhật Bản và máy móc, thiết bị mới của Áo, Mỹ, Đức, Anh, Ý, v.v... đồng thời sử dụng hệ thống mã vạch để chống gian lận bảo hành vừa đảm bảo uy tín sản phẩm vừa tiết kiệm chi phí bảo hành cho Công ty.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

❖ Cổ phần

- Tổng số cổ phần phát hành : 46.471.707 cổ phần
 - Cổ phiếu quỹ : 0 cổ phần
 - Cổ phiếu đang lưu hành : 46.471.707 cổ phần
- Loại cổ phần : Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá : 10.000 đồng/cổ phần

❖ Cơ cấu cổ đông (chốt ngày 15/3/2017)

| Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu | % vốn điều lệ |
|---------------------------|------------------|-------------------|----------------|
| Tổng cộng | 2.322 | 46.471.707 | 100,00% |
| Cổ đông trong nước | 2.101 | 34.982.992 | 75,28% |
| Tổ chức | 34 | 24.119.901 | 51,90% |
| Cá nhân | 2.067 | 10.863.091 | 23,38% |
| Cổ đông nước ngoài | 221 | 11.488.715 | 24,72% |
| Tổ chức | 40 | 10.988.012 | 23,64% |
| Cá nhân | 181 | 500.703 | 1,08% |

❖ Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên cổ đông | Số lượng (CP) | Giá trị theo mệnh giá (đồng) | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|--------------------------------|---------------|------------------------------|--------------|
| 1 | TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM | 23.898.273 | 238.982.730.000 | 51,43% |
| 2 | THE FURUKAWA BATTERY CO., LTD. | 4.899.708 | 48.997.080.000 | 10,54% |

❖ Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu

Trong năm, Công ty đã thực hiện bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu để trả cổ tức, cụ thể như sau:

| STT | Nội dung | Trước thay đổi | Thay đổi | Sau thay đổi | Nguyên nhân |
|-----|---------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|--|
| 1 | Vốn điều lệ (VNĐ) | 309.812.930.000 | 154.904.140.000 | 464.717.070.000 | |
| 2 | Tổng số cổ phiếu | 30.981.293 | 15.490.414 | 46.471.707 | Bán cổ phiếu quỹ và phát hành cổ phiếu để trả cổ tức |
| 3 | Số lượng cổ phiếu quỹ | 362.812 | 362.812 | - | |
| 4 | Số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết | 30.618.481 | 15.127.602 | 46.471.707 | |



Phần III

BÁO CÁO

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



PINACO



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

❖ Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Đvt: triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2016 | Năm 2015 | Tỷ lệ (%) |
|-----|--|-----------|-----------|-----------|
| 1 | Doanh thu bán hàng và cung ứng dịch vụ | 2.537.379 | 2.260.210 | 112,26% |
| 2 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 246.472 | 165.532 | 148,90% |
| 3 | Doanh thu thuần bán hàng và cung ứng dịch vụ | 2.290.907 | 2.094.678 | 109,37% |
| 4 | Giá vốn hàng bán | 1.896.229 | 1.744.355 | 108,71% |
| 5 | Lợi nhuận gộp về bán hàng | 394.678 | 350.322 | 112,66% |
| 6 | Doanh thu hoạt động tài chính | 26.883 | 19.873 | 135,27% |
| 7 | Chi phí tài chính | 24.153 | 39.189 | 61,63% |
| - | <i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i> | 13.710 | 9.590 | 142,96% |
| 8 | Chi phí bán hàng | 173.180 | 171.202 | 101,16% |
| 9 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 65.282 | 38.429 | 169,88% |
| 10 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 158.944 | 121.374 | 130,95% |
| 11 | Thu nhập khác | 1.762 | 2.060 | 85,53% |
| 12 | Chi phí khác | 334 | 2.481 | 13,46% |
| 13 | Lợi nhuận khác | 1.428 | (422) | -338,39% |
| 14 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 160.373 | 120.952 | 132,59% |
| 15 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 45.797 | 35.456 | 129,17% |
| 16 | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (6.766) | (4.981) | 135,84% |
| 17 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 121.342 | 90.476 | 134,12% |
| 18 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 2.394 | 1.733 | 138,14% |

➤ Tình hình chung

Năm 2016 là một năm rất thành công trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nói chung và từng Xí nghiệp nói riêng với việc hoàn thành toàn diện, vượt mức tất cả các chỉ tiêu kế hoạch đặt ra từ đầu năm. Để có được kết quả ấn tượng như vậy là do sự nỗ lực không ngừng của toàn thể cán bộ công nhân viên trong toàn Công ty; bên cạnh đó là định hướng chiến lược phát triển đúng đắn và phù hợp với nhu cầu của thị trường của Ban lãnh đạo. Tất cả đã tạo nên thương hiệu PINACO dẫn đầu trong cả nước về cả chất lượng và giá cả từng sản phẩm. Hệ thống quản lý chất lượng vận hành hiệu quả, ý thức chất lượng được củng cố giúp Công ty kiểm soát chặt toàn bộ quá trình sản xuất và giảm thiểu các sai sót về chất lượng.

➤ Về mặt thuận lợi

Nhìn chung, năm 2016, tình hình kinh tế tuy có nhiều khó khăn nhưng các yếu tố vĩ mô như lạm phát, lãi suất, tỷ giá được giữ ở mức tương đối ổn định tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động sản xuất kinh doanh.

Giá vật tư chủ yếu ở mức thấp dù 2 tháng cuối năm giá chì, kẽm tăng khá cao nhưng về cơ bản trong năm giá ổn định ở mức từ 1.700-1.800 USD/tấn dẫn tới chi phí đầu vào được tiết kiệm đáng kể.

Thương hiệu mạnh, chất lượng sản phẩm ổn định và không ngừng được cải thiện tạo niềm tin cho người tiêu dùng, góp phần nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm PINACO trên thị trường.

➤ Về mặt khó khăn

Nền kinh tế của Việt Nam năm 2016 gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu như hạn hán, ngập mặn ở miền Tây, sự cố môi trường, lũ lụt tại miền Trung đã ảnh hưởng không chỉ các hoạt động tiêu thụ sản phẩm trong nước mà còn ảnh hưởng đến các hoạt động xuất khẩu hàng hóa ra nước ngoài.

Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất của Công ty gặp khó khăn ở một số khâu như: Đúc sừn, hóa thành, bột chì đã đạt công suất đỉnh nên khi tiêu thụ tăng cao buộc Công ty phải nhập bột chì với chi phí cao hơn để đủ bột chì cho sản xuất.

Ngoài ra, năm qua, tình hình cạnh tranh giữa các doanh nghiệp cùng ngành rất gay gắt cả về giá bán, cơ cấu sản phẩm và các chiến lược marketing để chiếm lĩnh thị trường.

Với những khó khăn và thuận lợi nêu trên cùng sự cố gắng không ngừng nghỉ của đội ngũ cán bộ công nhân viên và Ban lãnh đạo, năm qua Công ty đã đạt được thành tích đáng kể như sau:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2016 | So sánh (%) |
|-----------------------------|---------|---------------|----------------|-------------|
| Doanh thu | Tỷ đồng | 2.440 | 2.537 | 103,99% |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 130 | 160 | 123,36% |
| Cổ tức | % | ≥12 | (*) 20 | 166,67% |

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 12%, dự kiến chia thêm 8% và chờ ĐHĐCĐ thông qua

Trong năm 2016, PINACO đã hoàn thành vượt các chỉ tiêu kế hoạch đề ra với doanh thu đạt 2.537 tỷ đồng tăng 112,26% so với năm 2015 và đạt 103,99% kế hoạch đề ra. Nhờ công tác đầu tư tài chính hiệu quả và quản lý chi phí đầu vào tốt, năm qua lợi nhuận trước thuế đạt 160 tỷ đồng, tăng 132,59% so với cùng kỳ năm 2015 và đạt 123,36% so với kế hoạch đề ra.

➤ Công tác tiêu thụ - thị trường

- Chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp với từng thị trường kết hợp với các chương trình khuyến mãi liên tục và hoạt động rà soát, thay thế một số nhà phân phối, đại lý thiếu năng lực đã giúp Công ty cạnh tranh thắng lợi, giữ vững vị thế dẫn đầu, doanh thu bán hàng tăng đều trên tất cả các thị trường trong nước.
- Ở thị trường xuất khẩu, mặc dù phải cạnh tranh quyết liệt với các sản phẩm khác nhưng công ty vẫn giữ vững được các thị trường truyền thống và mở thêm một số thị trường mới: Afganistan, Indonesia, Syria... kết quả doanh thu xuất khẩu đạt trên 21 triệu USD, tăng 8% so năm trước.
- Công tác truyền thông, quảng cáo, khuyến mãi được thực hiện với quy mô và chi phí lớn nhất kể từ trước đến nay. Các hoạt động quảng bá nhân kỷ niệm 40 năm thành lập công ty có sức truyền tải rất lớn với công chúng. Ngoài ra việc tài trợ AFF Cup 2016 đã đưa hình ảnh PINACO đến với người hâm mộ 11 nước Đông Nam Á.

➤ Công tác Kỹ thuật – Sản xuất

- Việc chuyên môn hóa sản xuất theo nhóm sản phẩm giữa các xí nghiệp giúp tăng năng suất lao động, tiết kiệm chi phí và góp phần giúp công ty đáp ứng kịp nhu cầu tăng cao của thị trường trong điều kiện sản xuất đã ở công suất đỉnh và công tác đầu tư không đáp ứng kịp tiến độ.
- Hệ thống quản lý chất lượng vận hành hiệu quả, ý thức chất lượng được củng cố giúp Công ty kiểm soát chặt toàn bộ quá trình sản xuất và giảm thiểu các sai sót về chất lượng.
- Hiện nay, các sản phẩm của PINACO đang được cung cấp cho các nhà sản xuất ô tô, xe máy lớn như Thaco, Ford, Hyundai, Mercedes Benz, Honda, Yamaha, Suzuki...
- Triển khai mạnh mẽ công tác tìm kiếm nguồn vật tư thay thế với giá cạnh tranh, thay thế một phần chì, kẽm, vỏ nắp nhập khẩu bằng nguồn trong nước góp phần hạ giá thành và giảm phụ thuộc vào hàng nhập khẩu. Công ty cũng hỗ trợ cho các nhà cung cấp trong nước từng bước chấn chỉnh công tác quản lý nhằm đảm bảo chất lượng vật tư cung cấp.

➤ **Công tác đầu tư và nghiên cứu phát triển**

- Để đáp ứng kịp thời nhu cầu thị trường, trong năm Công ty đã đầu tư một dây chuyền hoàn tất pin R6, một dây chuyền lắp ráp ắc quy gắn máy, hệ thống nạp ướt bình CMF và một số thiết bị lẻ phục vụ cho sản xuất pin và ắc quy với tổng kinh phí 113,12 tỷ đồng.
- Nghiên cứu phát triển các dòng sản phẩm: ắc quy Hybrid tải, ắc quy tubular cho xe nâng, ắc quy ISS cho ô tô, xe máy.v.v. Công ty cũng đã thảo luận với đối tác FB về hợp đồng đối tác chiến lược và chuyển giao công nghệ sản xuất ắc quy công nghệ cao.

➤ **Công tác Quản lý tài chính**

- Năm 2016, Công ty tiếp tục theo dõi sát tình hình biến động tỷ giá, lãi suất để đàm phán với các ngân hàng nhằm đạt được lãi suất hợp lý nhất.
- Công tác quản lý dòng tiền được thực hiện hiệu quả, đảm bảo thanh khoản và tận dụng nguồn vốn nhàn rỗi gửi kỳ hạn ở các ngân hàng uy tín, mang lại thu nhập 26,88 tỷ đồng, tăng 35,27% so với năm 2015.
- Bên cạnh đó, công tác quản lý chặt chi phí tồn kho, công nợ khách hàng, không để phát sinh nợ khó đòi. Tốc độ quay vòng hàng tồn kho đạt 3,38 vòng/năm.
- Công ty cũng duy trì thường xuyên hoạt động của Ban kiểm soát nội bộ để kịp thời chấn chỉnh các sai phạm và đảm bảo tính tuân thủ quy trình tất cả các hoạt động của Công ty.

➤ **Các dự án khai thác mặt bằng ở TP. HCM**

- *Dự án xây dựng Trung tâm Thương mại, cao ốc văn phòng tại cơ sở 445-449 Gia Phú*
Đối tác đã được cấp phép xây dựng, PINACO đã bàn giao toàn bộ mặt bằng, đến quý 1/2017 đã nhận tiền hỗ trợ di dời là 21 tỷ. Số tiền còn lại sẽ nhận vào Q2/2017.
- *Dự án hợp tác khai thác mặt bằng 752 Hậu Giang*
Công ty đang khẩn trương triển khai công tác chuẩn bị để có thể di dời xí nghiệp Pin Con Ó ra khu công nghiệp Tân Tạo sau khi hoàn thành chống lún, cải tạo mặt bằng và chuyển sản xuất ắc quy lên Đồng Nai. Dự kiến đến cuối năm 2018 sẽ hoàn thành di dời Pin Con Ó ra mặt bằng Ắc quy Sài Gòn cũ.
Công ty đã nhận được tiền tạm ứng đợt 1 vào tháng 11 năm 2016 là 03 tỷ đồng hỗ trợ di dời từ đối tác. Trong quý 2/2017 nhận tiếp 5 tỷ đồng và số tiền hỗ trợ di dời còn lại sẽ nhận sau khi PINACO bàn giao xong mặt bằng.

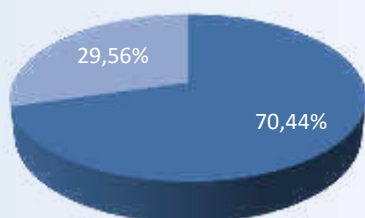
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

❖ Tình hình tài sản

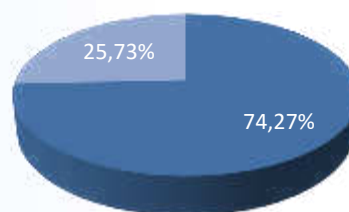
| Chỉ tiêu | Đvt | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|---------------------|-------------------|------------------|------------------|---------------|
| Tài sản ngắn hạn | Triệu đồng | 890.569 | 1.250.694 | 40,44% |
| Tài sản dài hạn | Triệu đồng | 373.644 | 433.308 | 15,97% |
| TỔNG TÀI SẢN | Triệu đồng | 1.264.213 | 1.684.002 | 33,21% |

Năm 2015



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

Năm 2016



■ Tài sản ngắn hạn ■ Tài sản dài hạn

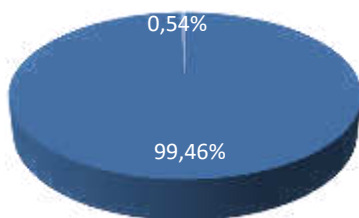
Năm 2016, tổng tài sản của Công ty đạt 1.684 tỷ đồng, tăng 33,21% so với năm 2015; trong đó, tài sản ngắn hạn tăng 40,44%; tài sản dài hạn tăng 15,97%. Tài sản ngắn hạn tăng chủ yếu ở khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn và hàng tồn kho. Cụ thể, ở khoản mục đầu tư tài chính ngắn hạn đã tăng 133,41% so với cùng kỳ năm 2015, đạt 466 tỷ đồng. Nguyên nhân là do Công ty tận dụng lợi thế về chênh lệch lãi suất huy động nguồn vốn vay (bao gồm VND dao động từ 3%-5% và USD dao động khoảng 1,5%) và lãi suất khoản tiền gửi có thời hạn trên 3 tháng và dưới 1 năm

với lãi suất dao động từ 6,7% đến 9,75% để đẩy mạnh hoạt động tài chính, tạo hiệu quả đầu tư lớn. Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2016 đạt 562 tỷ đồng tăng 28,68% so với cùng kỳ năm 2015, chủ yếu là thành phẩm ắc quy. Tài sản dài hạn của Công ty tại thời điểm cuối năm 2016 đạt 433 tỷ đồng, tăng 15,97% so với năm 2015. Tài sản dài hạn tăng chủ yếu là do Công ty tăng cường đầu tư vào các dự án nâng cấp một số nhà xưởng ắc quy và mở rộng xây dựng nhà máy sản xuất ắc quy ở khu vực phía Bắc nhằm mở rộng thị trường tại đây.

❖ Tình hình nợ phải trả

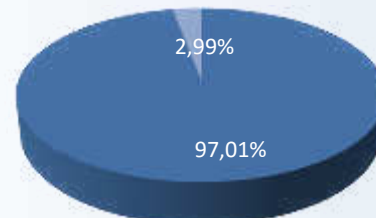
| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 | % tăng giảm |
|-------------------------|------------|----------------|------------------|---------------|
| Nợ ngắn hạn | Triệu đồng | 753.980 | 1.080.483 | 43,30% |
| Nợ dài hạn | Triệu đồng | 4.123 | 33.803 | 744,12% |
| Tổng nợ phải trả | Triệu đồng | 758.103 | 1.115.286 | 47,12% |

Năm 2015



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Năm 2016



■ Nợ ngắn hạn ■ Nợ dài hạn

Biểu đồ trên cho thấy trong cơ cấu nợ vay của Công ty chủ yếu là nợ ngắn hạn; tại thời điểm 31/12/2016 nợ ngắn hạn đạt 1.081 tỷ đồng chiếm 97,01% tổng nợ vay của Công ty.

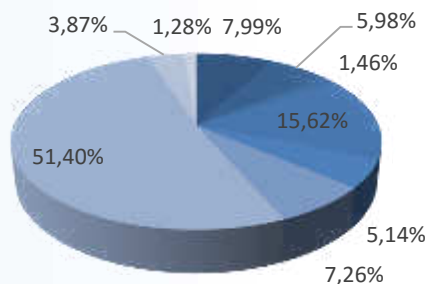


BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

| Chỉ tiêu | Đvt | 31/12/2016 | Tỷ trọng |
|-------------------------------------|------------|------------|----------|
| Phải trả người bán ngắn hạn | Triệu đồng | 86.499 | 8,01% |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | Triệu đồng | 64.669 | 5,99% |
| Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | Triệu đồng | 15.817 | 1,46% |
| Phải trả người lao động | Triệu đồng | 168.980 | 15,64% |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | Triệu đồng | 55.586 | 5,14% |
| Phải trả ngắn hạn khác | Triệu đồng | 78.597 | 7,27% |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | Triệu đồng | 588.632 | 54,48% |
| Dự phòng phải trả ngắn hạn | Triệu đồng | 7.837 | 0,73% |
| Quỹ khen thưởng phúc lợi | Triệu đồng | 13.865 | 1,28% |
| Tổng nợ ngắn hạn | Triệu đồng | 1.080.482 | 100,00% |

Chi tiết các khoản nợ vay của Công ty như sau

- Phải trả người bán ngắn hạn
- Người mua trả tiền trước ngắn hạn
- Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- Phải trả người lao động
- Chi phí phải trả ngắn hạn
- Phải trả ngắn hạn khác
- Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn
- Dự phòng phải trả ngắn hạn
- Quỹ khen thưởng phúc lợi



Trong cơ cấu nợ ngắn hạn của Công ty, vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn chiếm 54,48% đạt 588 tỷ đồng. Trong đó, nợ bằng USD đạt khoảng 280 tỷ đồng chiếm khoảng 47% tổng vay nợ ngắn hạn. Khoản vay bằng USD có lãi suất khoảng 1,5%/năm, đây là mức lãi suất ưu đãi mà các Ngân hàng áp dụng cho Công ty do Pinaco có uy tín cao trong việc thanh toán các khoản nợ đến hạn. Ngoài ra, các

khoản mục phải trả người bán và người mua trả tiền trước có giá trị tương đối cao cho thấy uy tín của Pinaco trong việc thanh toán công nợ với các nhà cung cấp và các khách hàng thân thiết. Như vậy, trong năm 2016 tình hình hoạt động tài chính của Công ty ổn định và đạt hiệu quả cao, đáp ứng đầy đủ nhu cầu vốn cho sản xuất kinh doanh và đóng góp lớn vào kết quả lợi nhuận tăng cao trong năm qua.

KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TƯƠNG LAI

❖ Nhận định tình hình chung

Năm 2017 dự báo kinh tế vĩ mô sẽ tiếp tục khởi sắc, tích cực hơn: kinh tế vĩ mô ổn định, môi trường kinh doanh chung thuận lợi hơn. Tuy nhiên, kinh tế Việt Nam vẫn có thể bị ảnh hưởng bởi biến động kinh tế Trung Quốc và các thay đổi trong chính sách thương mại của Mỹ, xu thế bảo hộ thương mại mậu dịch cục bộ của các quốc gia phát triển... Do vậy mà cơ hội và thách thức có thể diễn ra với mức độ cao hơn so với năm 2016.

➤ Thuận lợi

Hiện tại, tình hình tồn kho tại các nhà phân phối/đại lý ở mức hợp lý, tạo thuận lợi để gia tăng doanh số ngay từ các tháng đầu năm. Bên cạnh đó, Công ty hiện đang trên đà tăng trưởng tốt, hiệu quả và ổn định; tình hình tài chính lành mạnh cùng với uy tín thương hiệu ngày càng được củng cố là những yếu tố thuận lợi cơ bản giúp công ty duy trì lợi thế cạnh tranh trên thị trường.

➤ Khó khăn

Trong các năm tới, giá vật tư, nguyên liệu tăng trở lại theo giá dầu; lạm phát tăng, áp lực giảm giá VNĐ so với USD và tác động của việc phá giá đồng Nhân dân tệ sẽ làm tăng chi phí đầu vào, đồng thời gây áp lực cạnh tranh đối với thị trường xuất khẩu. Bên cạnh đó, sự cạnh tranh giữa các công ty sản xuất ốc quy ngày càng khốc liệt và mở rộng trên nhiều phương diện: chất lượng, giá cả và các chương trình quảng cáo, tiếp thị, khuyến mãi. Ngoài ra, việc di dời xí nghiệp Pin Con Ó, quy hoạch lại sản xuất các nhà máy ốc quy trong khi sản xuất đã ở mức đỉnh và nhu cầu thị trường vẫn đang tăng cao buộc PINACO phải vừa cải tạo mặt bằng, tiếp nhận đầu tư vừa phải di dời máy móc và sản xuất để đáp ứng yêu cầu bán hàng là nhiệm vụ rất khó khăn.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

❖ Chỉ tiêu kế hoạch sản xuất - kinh doanh

| Chỉ tiêu | ĐVT | Kế hoạch 2017 |
|------------------------------|---------|---------------|
| Giá trị sản xuất công nghiệp | Tỷ đồng | 2.547 |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.750 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 165 |
| Tổng mức đầu tư | Tỷ đồng | 141,23 |
| - Xây lắp | Tỷ đồng | 9,75 |
| - Thiết bị | Tỷ đồng | 108,84 |
| - Khác | Tỷ đồng | 22,64 |

❖ Nhiệm vụ chung:

1. Doanh thu: 2.750 tỷ đồng; Lợi nhuận 165 tỷ đồng; Thu nhập người lao động tăng 5% so với năm 2016.
2. Đầu tư nâng công suất ắc quy lên 2,2 triệu kwh/năm và bố trí, sắp xếp quy hoạch sản xuất ắc quy về 2 nhà máy ở Đồng Nai.
3. Hoàn thành cải tạo mặt bằng xí nghiệp Ắc quy Sài Gòn cũ để chuẩn bị cho việc di dời xí nghiệp Pin Con Ó trong năm sau.
4. Ký kết hợp đồng Hợp tác chiến lược với FB để phát triển ắc quy công nghệ cao và mở rộng hợp tác sang lĩnh vực kinh doanh.
5. Xây dựng và củng cố văn hóa công ty dựa trên truyền thống văn hóa và các giá trị cốt lõi 4C của Pinaco.

❖ Phương hướng, biện pháp cụ thể

➤ Công tác tiêu thụ - thị trường

- Có chính sách bán hàng linh hoạt, phù hợp, kết hợp với các chương trình trade marketing nhằm cạnh tranh thắng lợi trên từng điểm bán.
- Tiếp tục quy hoạch hệ thống phân phối theo hướng tách riêng phân phối ắc quy gắn máy và rà soát, thay thế những nhà cung cấp không đáp ứng yêu cầu.
- Quan tâm công tác bán hàng hộ lớn: chăm sóc chu đáo để duy trì các khách hàng truyền thống, hỗ trợ thúc đẩy bán hàng kênh phụ tùng và tìm mở thêm khách hàng lớn mới.
- Đổi mới giao diện website, bổ sung chức năng bán hàng trực tuyến. Đồng thời tăng cường tương tác với khách hàng thông qua các chương trình khuyến mãi, quảng cáo, các mạng xã hội như facebook, zalo, v.v..
- Đẩy mạnh xuất khẩu sang các thị trường truyền thống; hỗ trợ tiêu thụ ở các thị trường mới mở năm 2016 như: Afghanistan, Syria và chú trọng phát triển thị trường mới, đặc biệt là khu vực Châu Phi.

➤ Công tác kỹ thuật - Sản xuất

- Điều độ sản xuất hợp lý nhằm phát huy tối đa năng lực sản xuất hiện có để đáp ứng kịp thời nhu cầu tiêu thụ và triển khai thành công chương trình quy hoạch lại sản xuất ắc quy và di dời xí nghiệp pin Con Ó.
- Tăng cường việc kiểm tra, rà soát định kỳ các xí nghiệp về công tác quản lý chất lượng và chất lượng sản phẩm, phát huy vai trò của mạng lưới QA để hệ thống quản lý chất lượng hoạt động thực chất và hiệu quả.
- Tiếp tục đánh giá đưa vào sử dụng các nguồn nguyên liệu giá rẻ và sàng lọc, thay thế các nhà cung cấp vật tư kém cạnh tranh nhằm tiết giảm chi phí. Thường xuyên kiểm tra để đảm bảo nhà cung cấp tuân thủ các yêu cầu chất lượng. Kiểm soát tồn kho vật tư để tăng hiệu quả sử dụng vốn, góp phần giảm chi phí, hạ giá thành.



➤ Công tác đầu tư, nghiên cứu phát triển

- Tiếp tục hoàn tất các dự án đầu tư của 2016: máy đúc sườn, hệ thống bột chì, dây chuyền nấu cán kẽm, dây chuyền lắp ráp ắc quy PA... Triển khai các dự án đầu tư mới năm 2017: dây chuyền lắp ráp pin R6-600, dây chuyền lắp ráp ắc quy ô tô và các công trình xây dựng nhà xưởng phục vụ kế hoạch di dời và quy hoạch sản xuất.
- Hợp tác với FB chuyển giao công nghệ ISS cho ắc quy xe ô tô, xe gắn máy, ắc quy công nghiệp dùng cho viễn thông và các ứng dụng khác.
- Tiếp tục nghiên cứu phát triển dòng ắc quy tubular dùng cho xe nâng.

➤ Công tác khác

- Phối hợp với các các đơn vị chuyển đổi hệ thống lương công việc mới, triển khai giao KPIs cá nhân toàn Công ty để đánh giá đúng hiệu quả công việc.
- Tăng cường tuyên truyền, giải thích để CBCNLD hiểu và đồng thuận chủ trương di dời, quy hoạch sản xuất của công ty. Nghiên cứu để có chính sách giúp đỡ, hỗ trợ thỏa đáng đối với những CBCNLD bị ảnh hưởng trong quá trình thực hiện.





Phần IV

**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**



PINACCO



PINACO



“ PINACO

An vui hành trình – Gia đình hạnh phúc”

ĐÁNH GIÁ VỀ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM

❖ Tình hình hoạt động của Công ty trong năm

Năm 2016, nền kinh tế tăng trưởng không cao, nhưng các yếu tố vĩ mô tương đối ổn định, khá thuận lợi cho hoạt động sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Giá vật tư chủ yếu nhập khẩu: giá chì, kẽm ổn định ở mức thấp, từ 1.700-1.800 USD/tấn, chi phí đầu vào thấp nên việc thực hiện chỉ tiêu lợi nhuận khá thuận lợi.

Các chính sách khuyến khích bán hàng hợp lý đã tạo sức cạnh tranh có phần vượt trội trên thị trường nội địa.

Thị trường OEM, thị trường xuất khẩu, ngoài việc duy trì tốt với khách hàng cũ, trong năm công ty đã mở thêm các khách hàng mới như: Hyunhdai Thành Công, Daehan Kolao, TCL, siêu thị Legacy và 3 thị trường xuất khẩu: Indonesia, Afghanistan và Syria.

Công tác quảng cáo, khuyến mãi, truyền thông, quảng bá sự kiện chào mừng kỷ niệm 40 năm thành lập công ty đến người lao động, NPP/ĐL, khách hàng, người tiêu dùng và việc tài trợ AFF Cup 2016 đã đưa hình ảnh PINACO đến với người hâm mộ 11 nước Đông Nam Á.

Nghị quyết đại hội cổ đông năm 2016 đã thông qua kế hoạch kinh doanh với chỉ tiêu: Doanh thu là 2.440 tỷ đồng, lợi nhuận là 130 tỷ đồng, cổ tức là 12%(1.200 đồng/). Năm 2016, công ty đã phấn đấu hoàn thành vượt mức kế hoạch giao, cụ thể :đã thực hiện được 2.537 tỷ đồng về doanh thu, vượt 97 tỷ đồng so với kế hoạch ban đầu, lợi nhuận đạt 160 tỷ đồng, vượt 30 tỷ so với kế hoạch. Về cổ tức, công ty đã chia đủ 12% tiền mặt (lần 1 chia 7% vào tháng 8/2016, lần 2 chia 5% vào tháng 4/2017), như vậy kế hoạch cổ tức năm 2016 đã hoàn thành. Tuy nhiên, với hiệu quả kinh doanh đạt được, HĐQT dự kiến phương án chia cổ tức cho năm 2016 là 20% và trả bằng tiền. Nếu được Đại hội thông qua thì 8% còn lại sẽ làm thủ tục chia ngay sau khi có Nghị quyết ĐHCĐ.

❖ **Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của HĐQT và từng thành viên HĐQT trong năm**

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp và đã ban hành 23 Nghị quyết/ Quyết định cụ thể:

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | Số 42/NQ-HĐQT/2016 | 11/01/2016 | - Thống nhất lựa chọn phương án di dời Xí nghiệp Pin Con Ó. |
| 2 | Số 94/NQ-HĐQT/2016 | 29/02/2016 | - Phê duyệt kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư xây dựng năm 2016. |
| 3 | Số 95/NQ-HĐQT/2016 | 29/02/2016 | - Phê chuẩn đơn từ nhiệm chức vụ Chủ tịch HĐQT và thành viên HĐQT Công ty của ông Lâm Thái Dương Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam nhiệm kỳ 2012-2017, kể từ ngày 29/02/2016. |
| 4 | Số 96/NQ-HĐQT/2016 | 29/02/2016 | - Phê duyệt bầu ông Phan Văn Tiền, nguyên Hàm trưởng ban - Người đại diện phần vốn tập đoàn Hóa chất Việt Nam, làm thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Pin Ấc Quy Miền Nam nhiệm kỳ 2012-2017. HĐQT thống nhất sẽ trình Đại hội đồng Cổ đông phê duyệt ông Phan Văn Tiền chính thức là thành viên HĐQT, Chủ tịch HĐQT Công ty tại kỳ họp Đại hội đồng Cổ đông gần nhất. |
| 5 | Số 133/NQ-HĐQT/2016 | 16/03/2016 | - Thông qua ngày họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 (07/05/2016) và phương án bán cổ phiếu quỹ. |
| 6 | Số 134/QĐ-PA | 16/03/2016 | - Phê duyệt Ủy quyền người đại diện và quản lý phần vốn góp tại Công ty TNHH bất động sản Thịnh Phát. |
| 7 | Số 173/NQ-HĐQT/2016 | 09/04/2016 | - Thông qua nguyên tắc xác định giá bán cổ phiếu quỹ. |
| 8 | Số 217/NQ-HĐQT/2016 | 09/05/2016 | - Thông qua chương trình ĐHĐCĐ Thường niên Pinaco trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua Báo cáo của HĐQT 2015; hoạt động thù lao của HĐQT 2015, phương hướng hoạt động 2016, trình |

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

| | | | |
|----|---------------------|------------|--|
| | | | <p>ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua báo cáo của ban điều hành 2015; kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của ban điều hành 2015, phương hướng nhiệm vụ 2016, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua báo cáo tài chính tóm tắt 2015 đã kiểm toán, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua phương án phân phối lợi nhuận chi trả cổ tức bằng tiền mặt 2015, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua phương án sửa đổi, bổ sung nội dung Điều lệ Công ty để phù hợp với Luật Doanh nghiệp 2014 có hiệu lực thi hành từ 01/07/2015, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua quy chế bầu bổ sung TV HĐQT, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. - Thông qua phương án lựa chọn Công ty kiểm toán 2016, trình ĐHĐCĐ 2016 phê duyệt. |
| 9 | Số 232/QĐ-HĐQT/2016 | 10/05/2016 | - Phê duyệt bầu ông Phan Văn Tiền tiếp tục giữ chức Chủ tịch HĐQT Công ty nhiệm kỳ 2012-2017. |
| 10 | Số 233/QĐ-HĐQT/2016 | 10/05/2016 | - Phê duyệt bầu bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh giữ chức Trưởng ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2012-2017. |
| 11 | Số 246/QĐ-HĐQT/2016 | 27/05/2016 | - Thống nhất thông qua việc triển khai thực hiện phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu trình Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. |
| 12 | Số 268/QĐ-PA-HĐQT | 14/06/2016 | - Phê duyệt dự án đầu tư máy sản xuất bột chì 30 tấn/ ngày tại Xn Ấc quy Đồng Nai 2. |
| 13 | Số 269/QĐ-PA-HĐQT | 14/06/2016 | - Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự án đầu tư máy sản xuất bột chì 30 tấn/ ngày tại Xn Ấc quy Đồng Nai 2. |
| 14 | Số 284/QĐ-PA | 21/06/2016 | - Quy định về việc trích lập, quản lý, sử dụng nguồn khen thưởng cán bộ |

quản lý.

| | | | | |
|----|---------------------|------------|---|---|
| 15 | Số 339/NQ-HĐQT/2016 | 01/08/2016 | - | Phê duyệt tăng vốn điều lệ Công ty. |
| 16 | Số 340/NQ-HĐQT/2016 | 01/08/2016 | - | Tạm ứng cổ tức đợt 1 năm 2016 (7%). |
| 17 | Số 399/NQ-HĐQT/2016 | 19/09/2016 | - | Thông qua việc phân công nhiệm vụ các TV. HĐQT, Thư ký Công ty. - Thông qua kế hoạch đầu tư năm 2016. - Thông qua chủ trương thoái vốn tại Công ty TNHH Kinh Doanh Bất Động Sản Việt Gia Phú. |
| 18 | Số 400/NQ-HĐQT/2016 | 19/09/2016 | - | Thông qua việc thay đổi người Công bố thông tin. |
| 19 | Số 494/NQ-HĐQT/2016 | 10/11/2016 | - | Thông qua đề cử vị trí cán bộ lãnh đạo. |
| 20 | Số 608/QĐ-PA-HĐQT | 28/11/2016 | - | Ban hành sửa đổi Quy chế tổ chức cán bộ. |
| 21 | Số 622/QĐ-PA-HĐQT | 08/12/2016 | - | Ban hành sửa đổi Quy chế quản trị Công ty. |
| 22 | Số 623/QĐ-PA-HĐQT | 08/12/2016 | - | Ban hành sửa đổi Quy chế quản lý tài chính. |
| 23 | Số 624/QĐ-PA-HĐQT | 08/12/2016 | - | Ban hành Quy chế quản lý nợ. |

Tổng thù lao của Hội đồng quản trị trong năm là 396.000.000 đồng, trong đó:

- *Thù lao Chủ tịch HĐQT: 108.000.000 đồng.*
- *Thù lao của các thành viên: 288.000.000 đồng.*

Hoạt động của từng thành viên Hội đồng quản trị

- ❖ Ông Phan Văn Tiền – Chủ tịch HĐQT.
Tổ chức và chủ trì các cuộc họp, ban hành các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị. Chỉ đạo soạn thảo các quy chế nội bộ của công ty.
- ❖ Ông Trần Thanh Văn- Thành viên HĐQT/TGD.
Nghiên cứu chiến lược phát triển công ty, Chỉ đạo điều hành hoạt động bộ máy sản xuất kinh doanh, phụ trách công tác tổ chức cán bộ, theo dõi về tình hình tài chính.
- ❖ Ông Ngô Đình Luyện - Thành viên HĐQT.
Theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh công ty.
- ❖ Ông Cao Trọng Miên - Thành viên HĐQT.
Theo dõi kế hoạch phát triển sản phẩm mới, về các dự án đầu tư của công ty.
- ❖ Bà Phạm Kiều Điềm - Thành viên HĐQT.

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Theo dõi phát triển của ngành Pin.

❖ Phương hướng hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2017

Trên cơ sở các dự báo tình hình kinh tế thế giới và Việt Nam, căn cứ vào kế hoạch phát triển 5 năm (2016-2020). Hội đồng quản trị đề ra kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017, phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung sau.

Chỉ tiêu kinh doanh năm

- Tổng doanh thu: 2.750 tỷ đồng, bằng 108% so với thực hiện năm 2016.
- Lợi nhuận trước thuế: 165 tỷ đồng, bằng 103% so với thực hiện năm 2016.
- Cổ tức: Tối thiểu là 15%

Phương hướng hoạt động của HĐQT

Trong ngắn hạn tiếp tục đầu tư thiết bị lẻ nâng công suất đáp tăng trưởng của thị trường, nghiên cứu đầu tư thiết bị công suất lớn, hiện đại, năng suất cao, đồng bộ hóa với việc quy hoạch sản xuất tập trung ngành ắc quy tại Nhơn Trạch.

Ký kết hợp đồng và tiếp nhận chuyển giao công nghệ sản xuất: ắc quy công nghiệp, ắc quy viễn thông, ISS... để có thêm phân khúc thị trường tạo cơ hội tăng trưởng.

Giao chỉ tiêu phấn đấu với mục tiêu giảm được 2% giá thành sản xuất trên cơ sở phát huy sang kiến cải tiến trong công tác quản lý sản xuất, kỹ thuật, triển khai tuyên truyền vận động thực hành tiết kiệm chống lãng phí.

Chỉ đạo triển khai công tác di dời Xí nghiệp Pin con Ó, kết hợp với quy hoạch ngành ắc quy. Thu tiền đền bù cơ sở sản xuất tại 752 Hậu Giang.

Phần V

QUẢN TRỊ CÔNG TY



PINACO



PINACO



“ PINACO

An vui hành trình – Gia đình hạnh phúc”

QUẢN TRỊ CÔNG TY

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Thành viên và cơ cấu Hội đồng quản trị

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Thành viên | Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PAC | Loại hình sở hữu cổ phần tại PAC |
|-----|----------------|--------------------------|----------------------|------------------------------|----------------------------------|
| 1 | Phan Văn Tiền | Chủ tịch HĐQT | | 0% | Cá nhân |
| | | | | 21,43% | Đại diện Tập đoàn HCVN |
| 2 | Trần Thanh văn | Thành viên HĐQT kiêm TGD | Thành viên điều hành | 0,274% | Cá nhân |
| | | | | 20,00% | Đại diện Tập đoàn HCVN |
| 3 | Ngô Đình Luyện | Thành viên HĐQT | | 0,053% | Cá nhân |
| | | | | 10,00% | Đại diện Tập đoàn HCVN |
| 4 | Cao Trọng Miên | Thành viên HĐQT | | 0,006% | Cá nhân |
| 5 | Phạm Kiều Diễm | Thành viên HĐQT | | 0,170% | Cá nhân |

❖ Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: không có

❖ Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số buổi họp tham dự | Tỷ lệ | Ghi chú |
|-----|----------------|-----------------|---------------------|-------|--------------|
| 1 | Lâm Thái Dương | Chủ tịch HĐQT | 3/3 | 100% | T01-T02/2016 |
| 2 | Phan Văn Tiền | Chủ tịch HĐQT | 11/11 | 100% | T02-T12/2016 |
| 3 | Trần Thanh Văn | Thành viên HĐQT | 14/14 | 100% | |
| 4 | Ngô Đình Luyện | Thành viên HĐQT | 14/14 | 100% | |
| 5 | Phạm Kiều Diễm | Thành viên HĐQT | 14/14 | 100% | |
| 6 | Cao Trọng Miên | Thành viên HĐQT | 14/14 | 100% | |

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, HĐQT đã tổ chức 14 cuộc họp và đã ban hành 23 Nghị quyết/Quyết định (Nội dung chi tiết theo Báo cáo đánh giá của HĐQT trang 54)

❖ Danh sách thành viên HĐQT có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty

| ST T | Họ và tên | Đại học | Cao học | Chính trị | Các khóa đào tạo ngắn hạn |
|---------|-------------------|----------------------------|--------------------------------------|------------------------------|---|
| 1 | Trần Thanh Văn | Kỹ sư Cơ khí | Thạc sĩ Kinh tế | Cao cấp lý luận chính trị | <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Quản công ty cho các công ty cổ phần. - Lớp đào tạo CEO của PACE. - Lớp đào tạo quản trị dự án đầu tư. |
| 2 | Phan Văn Tiền | Kỹ sư Chế tạo máy | Thạc sĩ Quản trị kinh doanh | Cao cấp lý luận chính trị | <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình đào tạo Quản công ty cho các công ty cổ phần. |
| 3 | Phạm Kiều Diễm | Cử nhân kinh tế | | Cao cấp lý luận chính trị | <ul style="list-style-type: none"> - Quản trị Công ty - UB chứng khoán Nhà nước – TT nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán CN TPHCM (T10/2013). - Kỹ năng báo cáo hoạt động và lập kế hoạch kinh doanh - Kế toán CN - Bồi dưỡng Kế toán trưởng - Trường ĐHKHT TPHCM (25/7/1998 - 25/02/1999). |
| 4 | Cao Trong Miên | Cử nhân Hóa lý | | | <ul style="list-style-type: none"> - Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung. - Nguyên tắc cơ bản về Quản trị dự án. - Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần. - Quản lý dự án đầu tư - Công nghệ sản xuấtẮc quy VRLA xe máy. |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | | | | |
|---|----------------|-----------------|---------------------------|---|
| | | | | <ul style="list-style-type: none"> - Nghiệp vụ về ATVSLĐ dành cho người sử dụng lao động. - Nghiệp vụ đấu thầu cơ bản, Đấu thầu nâng cao. - Quản lý hành chính nhà nước. - Chương trình chuyên viên chính. - Hội thảo: Mô hình quản trị sáng tạo thành công trên thế giới - bài học cho lãnh đạo doanh nghiệp VN. - Quản lý dự án theo chuẩn Quốc tế PMI (khóa nền tảng). |
| 5 | Ngô Đình Luyện | Cử nhân kinh tế | Cao cấp lý luận chính trị | <ul style="list-style-type: none"> - Lập kế hoạch và điều độ sản xuất. - Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung. - Chương trình đào tạo Quản trị công ty cho các công ty cổ phần. - Lập kế hoạch và điều độ sản xuất. - Giám đốc tài chính chuyên nghiệp. |



BAN KIỂM SOÁT

❖ Thành viên Ban kiểm soát

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Tỷ lệ sở hữu cổ phần tại PAC | Ghi chú |
|-----|---------------------|------------|------------------------------|---------|
| 1 | NGUYỄN THỊ NGỌC ÁNH | Trưởng ban | 0,006% | |
| 2 | TẠ DUY LINH | Thành viên | 0,084% | |
| 3 | BÙI THU HẰNG | Thành viên | 0% | |

❖ Hoạt động của Ban kiểm soát trong năm

1 – Nhân sự và thù lao Ban kiểm soát.

- Nhân sự của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 (04 năm đầu) gồm có 03 thành viên:
 - + Ông Tạ Duy Linh : Trưởng ban kiêm nhiệm
 - + Ông Vũ Nhất Tâm : Thành viên
 - + Bà Võ Thị Cẩm Hồng : Thành viên
- Nhân sự của Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2012-2017 (01 năm cuối) gồm có 03 thành viên:
 - + Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh : Trưởng ban chuyên trách
 - + Ông Tạ Duy Linh : Thành viên
 - + Bà Bùi Thu Hằng : Thành viên

Tổng mức thù lao Ban kiểm soát là 132 triệu đồng (Căn cứ Nghị quyết số 196/PA-HĐQT ngày 26/4/2014 được ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 thông qua từng vị trí). Trong đó:

| STT | Họ và tên | Chức vụ | Số tháng | Số tiền | Ghi chú |
|-----|------------------------|----------------|----------|--------------------|-------------|
| 1 | Ông Tạ Duy Linh | Trưởng BKS | 05 tháng | 30.000.000 | T1-T5/2016 |
| | | Thành viên BKS | 07 tháng | 28.000.000 | T6-T12/2016 |
| 2 | Bà Võ Thị Cẩm Hồng | Thành viên BKS | 05 tháng | 20.000.000 | T1-T5/2016 |
| 3 | Ông Vũ Nhất Tâm | Thành viên BKS | 04 tháng | 16.000.000 | T1-T4/2016 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Trưởng BKS | 01 tháng | 6.000.000 | T6/2016 |
| 5 | Bà Bùi Thu Hằng | Thành viên BKS | 08 tháng | 32.000.000 | T5-T12/2016 |
| | Tổng cộng: | | | 132.000.000 | |

2 – Hoạt động của Ban kiểm soát.

- Trong năm, tham dự các cuộc họp Hội đồng quản trị, có ý kiến đóng góp trực tiếp đến tính hợp lý hợp pháp từ các Nghị quyết và các quyết định của HĐQT, Tổng giám đốc;
- Tham gia làm việc cùng Ban kiểm soát nội bộ Công ty thực hiện công tác kiểm soát các quy trình thực hiện tại các Xí nghiệp trực thuộc.
- Trong quý 1/2017 thực hiện:
 - + Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2016 đã kiểm toán;
 - + Đánh giá tình hình thực hiện thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2016 của công ty;
 - + Đánh giá việc chấp hành Điều lệ, Nghị quyết ĐHĐCĐ/HĐQT, Nghị quyết, quyết định, quy chế, chỉ thị của tập đoàn/ Công ty;
 - + Đánh giá hoạt động quản lý và điều hành của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - + Đánh giá việc chấp hành pháp luật về quản lý và sử dụng vốn; việc ban hành và thực hiện Quy chế tài chính, Quy định nội bộ của Doanh nghiệp, việc phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ;
 - + Đánh giá việc thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, thưởng, phụ cấp trách nhiệm và quyền lợi khác đối với Người lao động, Người quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật;
 - + Đánh giá tình hình quản lý dòng tiền, quyết toán quỹ tiền lương, công tác kiểm kê và thực hiện các định mức quy định;
 - + Đánh giá việc công bố thông tin của Công ty có được đầy đủ, trung thực và tuân thủ theo quy định pháp luật.
 - + Tham gia công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên, đảm bảo việc tổ chức ĐHĐCĐ theo đúng quy định hiện hành.
 - + Tham gia lớp học Kiểm soát viên doanh nghiệp do Trường Đào tạo Doanh chủ tổ chức.

❖ Kết quả giám sát của Ban kiểm soát

1 – Về tổ chức bộ máy.

Trong năm 2016, có sự thay đổi về nhân sự Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát Công ty.

- Ngày 29/2/2016, Ông Lâm Thái Dương có đơn từ nhiệm Chủ tịch HĐQT Công ty và xin từ nhiệm chức danh thành viên HĐQT để chuyển công tác, HĐQT đã họp biểu quyết nhất trí thông qua việc miễn nhiệm đối với Ông Lâm Thái Dương, HĐQT Công ty có trách nhiệm báo cáo ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 chấp nhận thông qua.
 - + Đồng thời, ngày 29/02/2016, HĐQT đã họp nhất trí thông qua việc bầu bổ sung để thay thế chỗ trống. Việc bầu Ông Phan Văn Tiền giữ chức vụ TV. HĐQT sẽ

được trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 xem xét, quyết định (Theo quy định tại khoản 3 Điều 156 Luật Doanh nghiệp và khoản 6 Điều 24 Điều lệ Công ty).

+ Tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 tổ chức ngày 07/5/2016, đã bầu bổ sung 01 thành viên HĐQT là Ông Phan Văn Tiền. HĐQT đã họp nhất trí thông qua bầu Ông Phan Văn Tiền tiếp tục giữ chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty.

- Ngày 29/5/2017, có đơn xin từ nhiệm của Ông Vũ Nhất Tâm và Bà Võ Thị Cẩm Hồng do không phù hợp về tiêu chuẩn thành viên BKS theo quy định Luật doanh nghiệp mới có hiệu lực thi hành từ 1/7/2015. Vì vậy, tại ĐHĐCĐ thường niên năm 2016 đã bầu bổ sung 02 thành viên BKS là Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh và Bà Bùi Thu Hằng. BKS đã họp thông qua bầu Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh làm Trưởng ban từ ngày 07/5/2016.

Ban kiểm soát đã tham gia giám sát quá trình bầu bổ sung, thay thế các thành viên HĐQT, BKS theo đúng Điều lệ Công ty và trình tự thủ tục bầu cử theo thẩm quyền ĐHĐCĐ quyết định.

2 – Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016.

* Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

| STT | Chỉ tiêu | Thực hiện 2016 | Kế hoạch 2016 | Thực hiện 2015 | So sánh (%) | |
|-----|---|----------------|---------------|----------------|-------------|---------|
| | | | | | Kế hoạch | Cùng kỳ |
| 1 | Giá trị sản xuất công nghiệp | 2.348 | 2.285 | 2.105 | 103% | 11% |
| 2 | Tổng doanh thu | 2.537 | 2.440 | 2.260 | 104% | 12% |
| 3 | Lợi nhuận trước thuế | 160 | 130 | 121 | 123% | 32% |
| 4 | Lợi nhuận sau thuế | 121 | - | 90 | - | 34% |
| 5 | Thu nhập B/q 01 BCNV/tháng (triệu đồng) | 12,400 | - | 11,994 | - | 3,39% |
| 6 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/CP) | 2.394 | - | 1.733 | - | 38% |
| 7 | Cổ tức | (*) 20% | >=12% | 25% | 166,67% | (20%) |

(*) Đã tạm ứng tiền mặt 12%, dự kiến chia thêm 8% chờ ĐHĐCĐ thông qua

3 - Tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm 31/12/2016.

| | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| 1) Tổng tài sản: | 1.684.003.013.235 |
| + Tài sản ngắn hạn: | 1.250.694.693.732 |
| - Tiền và các khoản tương đương tiền: | 107.606.270.185 |
| - Đầu tư tài chính ngắn hạn: | 466.823.472.222 |
| - Các khoản phải thu ngắn hạn: | 93.933.186.979 |
| - Hàng tồn kho: | 562.436.767.688 |
| - Tài sản ngắn hạn khác: | 19.894.996.658 |
| + TSCĐ và đầu tư dài hạn: | 433.308.319.503 |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | |
|---------------------------------------|--------------------------|
| - Tài sản cố định: | 303.765.087.397 |
| - Các khoản đầu tư tài chính dài hạn: | |
| - Tài sản dài hạn khác: | 44.698.941.601 |
| 2) Tổng nguồn vốn hiện có là: | 1.684.003.013.235 |
| + Nợ phải trả: | 1.115.286.365.227 |
| - Nợ ngắn hạn: | 1.080.482.878.072 |
| - Nợ dài hạn: | 34.803.487.155 |
| + Nguồn vốn chủ sở hữu: | 568.716.648.008 |
| - Vốn kinh doanh: | 478.435.963.283 |
| - Lãi chưa phân phối: | 90.280.684.725 |
| - Nguồn kinh phí và quỹ khác: | |

❖ Nhận xét, đánh giá công tác quản lý điều hành của HĐQT, Tổng giám đốc

1- Đối với Hội đồng quản trị:

- Đã quản lý, chỉ đạo hoạt động của đơn vị theo đúng Pháp Luật, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, Nghị quyết của Đại hội cổ đông đề ra cụ thể như sau:
- Chỉ đạo việc phân chia lợi nhuận năm 2016 theo đúng Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
- Chỉ đạo thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016 đạt hiệu quả cao; Cả sản lượng, doanh thu và lợi nhuận đều vượt mức kế hoạch đặt ra, lợi nhuận đã vượt 23,36% so với kế hoạch.
- Trong năm, Điều lệ công ty được thay đổi 02 lần:
 - + Lần 1: Công ty đã xin ý kiến cổ đông thông qua việc sửa đổi bổ sung điều lệ tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên tổ chức vào ngày 07/5/2016.
 - + Lần 2: Công ty đã sửa đổi bổ sung Vốn điều lệ vào ngày 01/08/2016 do chia cổ tức bằng cổ phiếu từ nguồn vốn chủ sở hữu làm thay đổi vốn điều lệ Công ty và làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần (thay đổi lần thứ 14, ngày 22/8/2016).
- Đã sửa đổi, bổ sung ban hành 23 Nghị quyết, Quyết định phục vụ công tác quản lý và điều hành hoạt động SXKD của Công ty phù hợp với quy định của Nhà nước.
- Chỉ đạo sửa đổi bổ sung và ban hành mới một số Quy chế, quy định phù hợp với tình hình hoạt động SXKD Công ty và Luật Doanh nghiệp 2014 ban hành hiệu lực 01/07/2015.

2- Hoạt động quản lý điều hành của Tổng giám đốc:

- Đã thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Pháp Luật Nhà Nước, Điều lệ Tổ chức hoạt động của Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị Công ty đã ban hành.

***/ Thực hiện kế hoạch SXKD năm 2016.**

- Tất cả các chỉ tiêu về sản lượng, doanh thu, lợi nhuận đều vượt mức chỉ tiêu so với kế hoạch, trong đó lợi nhuận đã vượt 23,36 % so với kế hoạch đặt ra.

***/ Công tác tổ chức quản lý.**

- Đã thực hiện xây dựng sửa đổi bổ sung trình HĐQT phê duyệt ban hành một số các quy định, quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của Nhà nước, Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty, tình hình SXKD của đơn vị như: Quy chế Tiêu thụ, Quy chế Tổ chức – Cán bộ, Quy chế Quản trị Công ty, Quy chế quản lý tài chính, Quy chế quản lý nợ, Thỏa ước lao động tập thể giữa Tổng giám đốc (NSDLĐ) và Công đoàn là người đại diện cho lao động./.

***/ Công tác kế toán.**

- Việc tính toán, ghi chép, các số liệu trong báo cáo phản ánh trung thực đúng chế độ, nguyên tắc trong phạm vi lập, ghi chép, luân chuyển, sử dụng, lưu trữ bảo quản chứng từ, đảm bảo tính hợp pháp, hợp lý, hợp lệ.

- Công tác quản lý chi phí vật tư, nguyên vật liệu, chi phí nhân công,... từng công đoạn sản xuất giúp giảm giá thành tăng sức cạnh tranh trên thị trường; chi phí quản lý, chi phí tài chính đạt hiệu quả cao.

- Công tác ký kết hợp đồng nguyên vật liệu, máy móc thiết bị, xây dựng, dịch vụ,... chi phí trong đầu tư vào các dự án, công tác đấu thầu, mua sắm được hạch toán theo đúng quy định và dự toán được phê duyệt.

- Nhìn chung các số liệu trên báo cáo Tài chính của Công ty đã phản ánh trung thực, hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình Tài chính tính đến thời điểm 31/12/2016 của Công ty, kết quả hoạt động SXKD, và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

***/ Thực hiện các dự án đầu tư.**

- Các dự án đầu tư, mua sắm máy móc thiết bị như dây chuyền hoàn tất Pin R6, dây chuyền lắp ráp ắc quy gắn máy, hệ thống nạp ướt bình CMF, hệ thống sản xuất bột chì và một số thiết bị lẻ đã thực hiện xong toàn bộ và đưa vào sử dụng để tăng công suất.

- Dự án khai thác mặt bằng ở TP. HCM là khu đất 445-449 Gia Phú và 752 Hậu Giang đã nhận được tiền tạm ứng đợt 1, tổng cộng là 24 tỷ đồng hỗ trợ di dời từ đối tác (tính đến quý 1/2017).

***/ Thực hiện chế độ chính sách đối với người lao động.**

- Các chế độ, quyền lợi của CBCNV - LĐ được thực hiện theo đúng Luật lao động, Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty. việc chi trả lương hàng tháng được kịp thời đầy đủ đúng quy định, thu nhập B/q1CBCNV-LĐ tăng 3,39% so với năm 2015.

- Việc thực hiện ký kết hợp đồng giữa người sử dụng lao động và người lao động được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước, Luật lao động như, đã mua BHXH và BHYT đầy đủ cho người lao động, tiền BHXH, BHYT đã nộp kịp thời đúng quy định của BHXH.
- Các tổ chức chính trị Xã hội như bộ máy hoạt động Công tác Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên đã được quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí để hoạt động theo đúng quy định của Nhà nước, Luật doanh nghiệp, Các chế độ thi đua khen thưởng, thăm quan du lịch trong và ngoài nước, phong trào văn hoá văn nghệ, thể thao luôn được duy trì.

***/ Thực hiện chế độ kiểm toán.**

- Công ty đã lựa chọn Công ty kiểm toán Pricewaterhouse Coopers Việt Nam (PWC) là đơn vị kiểm toán đã được Bộ Tài chính công nhận và kiểm toán ngay trong tháng 06 năm 2016.

❖ Kiến nghị, kết luận chung

1 – Đánh giá chung.

- Ban kiểm soát ghi nhận chưa có điều gì bất thường trong hoạt động kinh doanh của Công ty. Tất cả các hoạt động đều tuân thủ đúng Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật.
- PINACO đã tuân thủ đầy đủ các quy định Pháp luật trong hoạt động quản lý Công ty cũng như trong các giao dịch. Các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- PINACO không phát sinh tranh chấp nào liên quan đến hoạt động SXKD và đầu tư dự án.
- Chế độ hạch toán kế toán tuân thủ về cơ bản theo chuẩn mực kế toán hiện hành, lập và nộp các báo cáo kế toán kịp thời cho các cấp thẩm quyền.
- Công ty đã thực hiện đầy đủ chế độ công bố thông tin đối với Công ty niêm yết theo đúng quy định.

2 – Kiến nghị.

- Tiếp tục rà soát lại các Quy chế cũ để hoàn chỉnh ban hành các quy chế mới phù hợp với tình hình thực tế hiện nay của Công ty.
- Tổ chức kiểm tra định kỳ, đột xuất việc chấp hành các nội quy, quy định, các quy chế, các trình tự thủ tục hồ sơ, chứng từ của Công ty, chính sách pháp luật của Nhà Nước tại các phòng ban Công ty, xí nghiệp và Chi nhánh nhằm tránh việc sai sót không được công nhận là chi phí hợp lý hợp lệ.
- Tiếp tục có các biện pháp quản lý hợp lý và hiệu quả trong quản lý sản xuất, quản lý chất lượng, quản lý chi phí; Duy trì và làm tốt việc thực hiện tiết kiệm các chi phí như:

Năng lượng, chi phí nguyên vật liệu, dụng cụ đưa vào sản xuất..., chi phí quản lý nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng công suất.

- Tăng cường công tác dự báo tiêu thụ, kế hoạch vật tư, sản xuất nhằm nắm vững và chỉ đạo kịp thời kế hoạch sản xuất kinh doanh của đơn vị, chủ động điều tiết bán hàng và giá cả hợp lý trên thị trường.

- Đẩy mạnh công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, có chính sách phù hợp giữ được người tài, xây dựng chính sách cán bộ và luân chuyển cán bộ hợp lý, phù hợp với hiện tại và yêu cầu phát triển của Công ty.

❖ **Danh sách thành viên BKS có chứng chỉ đào tạo chuyên môn**

| STT | Họ và tên | Đại học | Các khóa đào tạo ngắn hạn |
|-----|---------------------|-----------------|--|
| 1 | Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Cử nhân kinh tế | <ul style="list-style-type: none"> - Chi phí hợp lý - chi phí bất hợp lý trong quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp. - Năng lực quản trị cho quản lý cấp trung. - Chính sách thuế 2014 - Giải pháp giúp DN quản lý chi phí SXKD hiệu quả theo chính sách thuế mới năm 2014. - Hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp mới theo thông tư 200/2014/BTC. - Kiểm soát viên doanh nghiệp |
| 2 | Tạ Duy Linh | Cử nhân kinh tế | <ul style="list-style-type: none"> - Bồi dưỡng KTT DNNN - ĐH Kinh tế TPHCM (26/08/1998-1/7/1999) - Năng lực quản trị dành cho quản lý cấp trung - P.A.C.E (2008) - Quản trị Công ty - UB chứng khoán Nhà nước - TT nghiên cứu khoa học và đào tạo chứng khoán CN TPHCM (T10/2013) |

QUẢN TRỊ CÔNG TY

| | | | |
|---|--------------|---------|---|
| | | | <ul style="list-style-type: none">- Đầu thầu cơ bản - TT tư vấn đấu thầu và hỗ trợ đầu tư (28/10/2013 - 30/10/2013)- Nâng cao nghiệp vụ ngoại thương để tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại - VCCI (27/03/2014-18/4/2014)- Cập nhật Luật đầu tư, doanh nghiệp sửa đổi - VCCI - T7/2015. |
| 3 | Bùi Thu Hằng | Cử nhân | <ul style="list-style-type: none">- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ đấu thầu.- Chứng chỉ bồi dưỡng nghiệp vụ quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình.- Chứng nhận quản lý tài chính, tài sản của các dự án sử dụng vốn nhà nước và vốn ODA. |

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BAN TGD, BKS

❖ Lương thưởng, thù lao, các khoản lợi ích trong năm

| STT | Họ và tên | Chức vụ tại công ty | Thù lao | Ghi chú |
|-----------|--------------------------|---------------------|------------|-------------|
| I | Hội Đồng Quản Trị | | | |
| 1.1 | Ông Lâm Thái Dương | Chủ tịch HĐQT | 18.000.000 | T01-02/2016 |
| 1.2 | Ông Phan Văn Tiền | Chủ tịch HĐQT | 90.000.000 | T03-12/2016 |
| 2 | Ông Trần Thanh Văn | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 3 | Ông Ngô Đình Luyện | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 4 | Ông Cao Trọng Miên | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| 5 | Bà Phạm Kiều Diễm | Thành viên HĐQT | 72.000.000 | |
| II | Ban Kiểm Soát | | | |
| 1.1 | Ông Tạ Duy Linh | Trưởng BKS | 30.000.000 | T01-05/2016 |
| 1.2 | Ông Tạ Duy Linh | Thành viên BKS | 28.000.000 | T06-12/2016 |
| 2 | Bà Võ Thị Cẩm Hồng | Thành viên BKS | 20.000.000 | T01-05/2016 |
| 3 | Ông Vũ Nhất Tâm | Thành viên BKS | 16.000.000 | T01-04/2016 |
| 4 | Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh | Trưởng BKS | 6.000.000 | T06-12/2016 |
| 5 | Bà Bùi Thu Hằng | Thành viên BKS | 32.000.000 | T05-12/2016 |

❖ Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ và người có liên quan

- Bà Đỗ Thị Ngân – vợ Ông Trần Thanh Văn – TV HĐQT/TGD mua 26.300 cổ phiếu. Ngày 23/6/2016 chốt quyền nhận cổ phiếu thưởng là: 13.180 cổ phiếu – Tổng số cổ phiếu là : 39.540 cổ phiếu.
- Ông Ngô Đình Luyện – TV HĐQT bán 10.000 cổ phiếu;
- Beira Limited bán 150.000 cổ phiếu (22/06/2016) - không còn là cổ đông lớn.
- The Furukawa Battery Co., Ltd mua 4.899.708 cổ phiếu – trở thành cổ đông lớn.

❖ Việc thực hiện các quy định về quản trị Công ty

Công ty đã tuân thủ và thực hiện tốt việc Quản trị Công ty theo quy định trong Quy chế nội bộ, Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật đối với công ty đại chúng.

Phần VI
BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



PINACCO



PINACO



Hiện nay, vấn đề môi trường sống đang thu hút sự quan tâm của toàn nhân loại. Trái đất là ngôi nhà chung của chúng ta đang bị ô nhiễm trầm trọng vì những hoạt động khai thác, sản xuất với quy mô lớn của thời kì hiện đại hóa, công nghiệp hóa, thời kì của xã hội tiêu thụ và dân số tăng nhanh vượt khỏi tầm kiểm soát, ô nhiễm môi trường và những tác hại của nó đối với cuộc sống con người ngày càng nặng nề hơn. Do đó việc bảo vệ môi trường xanh – sạch – đẹp là nhiệm vụ của tất cả mọi người trên thế giới.

Một trong những chất gây ô nhiễm nặng nề nhất phải kể tới là chì, chì là kim loại rất độc, có khả năng gây ung thư. Nhiễm kim loại nặng này trong thời gian dài sẽ tác động đến hệ thần kinh, làm cho hoạt động của các ngón tay, cổ tay, mắt cá chân yếu đi, huyết áp tăng nhẹ, thiếu máu. Nhiễm chì liều cao làm tổn thương nghiêm trọng não, thận, thậm chí tử vong.

Chì và kẽm là 02 nguyên liệu đầu vào chính trong hoạt động sản xuất Pin, Ấc quy của Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của việc bảo vệ môi trường, những năm qua Công ty đã triển khai nhiều biện pháp nhằm giảm thiểu tối đa các tác động do hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty tới môi trường xung quanh, góp phần hướng tới mục tiêu phát triển bền vững trong tương lai.



❖ Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Trong thời buổi cơ chế thị trường cạnh tranh ngày một khốc liệt như hiện nay thì để tồn tại và phát triển bền vững, các doanh nghiệp phải thường xuyên thay đổi mẫu mã, nâng cao chất lượng sản phẩm và điều không kém phần quan trọng là hạ được giá thành sản phẩm trong khi chất lượng vẫn được đảm bảo. Nhưng để hạ được giá thành phẩm thì phải xem xét tới các yếu tố cấu thành nên sản phẩm, trong đó nguyên vật liệu là một trong ba yếu tố quan trọng của quá trình sản xuất và chi phí nguyên vật liệu chiếm một tỷ lệ lớn trong giá thành sản phẩm. Do vậy, việc phấn đấu sử dụng hợp lý và tiết kiệm nguyên vật liệu cũng là một hành động trọng tâm của Công ty.

Năm qua, Công ty Pinaco đã từng bước thực hiện chính sách tiết kiệm nguồn nguyên liệu trong từng khâu sản xuất để vừa hạ giá thành sản phẩm, vừa tiết kiệm nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tổng lượng nguyên liệu mà Công ty đã tiêu thụ trong năm như sau:

| STT | Tên NVL | ĐVT | Tổng cộng |
|-----|---------------|-----|------------|
| 1 | Chì | tấn | 23.682 |
| 2 | Acid Sulfuric | tấn | 3.425 |
| 3 | Điện | KWH | 26.042.138 |
| 4 | Nước | M3 | 220.702 |
| 5 | Gas(lít) | L | 1.805.998 |
| 6 | Kẽm | tấn | 1.376 |



BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Năm 2016, công tác thu hồi chì, kẽm phế liệu được triển khai ở tất cả các Xí nghiệp của Công ty. Chì phế liệu trong quá trình sản xuất được thu gom lại và giao cho một đơn vị gia công tái chế lại để đưa vào sản xuất, tỷ lệ đạt được 62%. VD: 10 tấn chì phế liệu từ sản xuất thu hồi được khoảng 6,2 tấn nguyên liệu đầu vào.

Năm qua, tỷ lệ % nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính đạt 62%. Cụ thể:

| STT | Xí nghiệp | ĐVT | Khối lượng chì thu hồi trong năm |
|------------------------------------|------------|-----|----------------------------------|
| 1 | Đồng Nai | Kg | 157.657 |
| 2 | Nhon Trạch | Kg | 505.532 |
| 3 | Sài Gòn | Kg | 232.485 |
| 4 | Con Ó | Kg | 756 |
| Tổng | | | 896.430 |
| Tổng NVL xuất SX (chì, kẽm) | | | 25.057.637 |



❖ Tiêu thụ năng lượng

Năng lượng là một vấn đề mang tính toàn cầu, năng lượng đã và đang đặt ra những thách thức lớn trong phát triển kinh tế của mỗi quốc gia; nguồn năng lượng hóa thạch đang ngày một cạn kiệt, dẫn đến giá cả các loại năng lượng sơ cấp tăng cao; vấn đề ứng phó với hiện tượng biến đổi khí hậu trong sử dụng năng lượng; và vấn đề an ninh năng lượng để đảm bảo tăng trưởng kinh tế cũng như khả năng tiếp cận năng lượng cho tất cả mọi người. Nhằm đối phó với các thách thức này, Chính phủ Việt Nam đã dành sự ưu tiên thích đáng cho việc giải quyết vấn đề năng lượng trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của mình, trong đó, đặc biệt nhấn mạnh đến việc sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả.

Là một doanh nghiệp đầu tàu của ngành, Công ty năm qua đã không ngừng nỗ lực nghiên cứu để tìm ra các giải pháp tiết kiệm nguồn năng lượng sử dụng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình như:

- Thay bóng đèn Led thay cho bóng đèn Huỳnh Quang đang sử dụng đã giúp Công ty tiết kiệm được khoảng 8.352 Kwh.
- Thực hiện quy hoạch hóa sản xuất hợp lý bằng cách phân chia sản xuất các dòng sản phẩm giữa các nhà máy để giảm bớt thời gian thay khuôn và tăng năng suất sản xuất. Lượng điện tiết kiệm được từ hoạt động này khoảng 1.398.077 Kwh.
- Ứng dụng công nghệ nạp ước cho ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF) nhằm giảm bớt một số công đoạn trong sản xuất đã tiết giảm được tiêu hao điện, nước, gas, ... cho chủng loại ắc quy miễn bảo dưỡng (CMF).

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Lượng điện năng, nước và gas mà Công ty tiết giảm được trong năm:

| Chỉ tiêu | ĐVT | Tỷ lệ % | Giá trị |
|-------------------------|---------|---------|------------|
| Định mức điện giảm được | KWH | 30% | 646.032,50 |
| Định mức gas giảm được | Lít gas | 15% | 22.377,07 |
| Định mức nước giảm được | M3 | 50% | 2.559,16 |





TẬP ĐOÀN HÓA CHẤT VIỆT NAM
CÔNG TY CP.PIN AC QUY MN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 01 năm 2016.

ĐƠN ĐĂNG KÝ SÁNG KIẾN - Ý TƯỞNG CẢI TIẾN

Kính gửi: Hội đồng Sáng kiến Công ty

Tôi ghi tên dưới đây

| TT | Họ tên tác giả | Ngày sinh | Nơi công tác | Chức vụ | Trình độ chuyên môn | Tỷ lệ % đóng góp vào việc tạo ra sáng kiến, ý tưởng cải tiến | Ký tên |
|----|----------------|------------|----------------------|---------|---------------------|--|--------|
| 1 | Hồ Văn Phúc | 10/10/1962 | Phòng Hành chính Cty | NW | Trung cấp | 100 | |

Đề nghị xét công nhận sáng kiến: Thay hệ thống chiếu sáng từ sử dụng bóng đèn Huỳnh Quang sang sử dụng bóng đèn led thấp sáng trong văn phòng công ty 321 Trần Hưng Đạo.

Mô tả giải pháp:

- Tình trạng kỹ thuật hiện tại:

Hiện nay, Văn phòng Công ty sử dụng hệ thống chiếu sáng bằng bóng đèn Huỳnh quang 1,2m, có công suất bóng đèn 40w/h + công suất tổn thất do chấn lưu 8w/h. Như vậy, công suất 1 bóng đèn Huỳnh quang 1,2m tiêu thụ là: 48w/h; hệ thống chiếu sáng này sử dụng cả ban ngày và báo vệ ban đêm; trung bình mỗi ngày sử dụng 10h, cá biệt có một số bóng sử dụng 24/24h trong ngày (như trong nhà xe gần máy). Do đó tiêu thụ một lượng điện năng tương đối lớn.

Hiện nay, hệ thống chiếu sáng VPCT có tổng cộng: 175 bóng (trong đó có 30 bộ bóng đôi = 60 bóng đơn) và 115 bóng đơn

Các phòng như: Hội trường, nhà ăn, phòng y tế, phòng CTHDQT, phòng họp lầu 3 (có 30 bóng đơn), thời lượng sử dụng ít không cần thiết phải chuyển đổi

Số bóng đèn cần chuyển đổi: 175 - 30 = 145 bóng

Như vậy, mỗi năm Công ty phải trả số tiền sử dụng điện thấp sáng cho 145 bóng này là:

Bảng tính tiền sử dụng điện trong 1 năm (đóng bóng đèn Huỳnh Quang)
(Theo đơn giá điện trung bình của tháng 12 năm 2015)

| S | Số bóng | Điện năng tiêu thụ/1h | Điện năng tiêu thụ/1ngày | Điện năng tiêu thụ/1tháng (24 ngày) | Đơn giá (VND) | Thành tiền/1 tháng (VND) | Thành tiền/1năm (VND) |
|--|---------|---------------------------|--------------------------|-------------------------------------|---------------|--------------------------|----------------------------|
| 1 | 145 | 145x48W = 6.960W (6.96kW) | 6.96kW x 10h = 69.6kW | 69.6kW x 24 = 1.670,4 kW | 2.910đ | 1.896.360đ | 1.368.864x12 = 16.426.368đ |
| Tổng tiền điện chi trả cho 1 năm: | | | | | | | 16.426.368đ |

Bảng chữ: Mười sáu triệu, ba trăm ba mươi ngàn, ba trăm sáu mươi đồng

Đơn đăng ký sáng kiến tiết kiệm điện trong hoạt động sản xuất của anh Hồ Văn Phúc

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

❖ Tiêu thụ nước

Nước giữ một vai trò đặc biệt trong đời sống sinh tồn và phát triển của con người. Chính vì vậy, việc bảo vệ tài nguyên nước đang trở thành vấn đề lớn của cộng đồng, trong đó mỗi người dân, mỗi doanh nghiệp cần ý thức được rằng: tiết kiệm và sử dụng hợp lý nguồn tài nguyên nước không chỉ là tiết kiệm tiền mà còn bảo vệ được cuộc sống của chính mình.

Năm qua, lượng nước thủy cục sử dụng tại các Xí nghiệp của Công ty như sau:

| Nhà máy | Nguồn cung cấp | Lượng sử dụng (m ³) | | |
|------------------|---------------------------------------|---------------------------------|----------------|----------------|
| | | Năm 2014 | Năm 2015 | Năm 2016 |
| Đồng Nai | Công ty TNHH 1TV Cấp nước Đồng Nai | 93.145 | 123.145 | 151.287 |
| Đồng Nai 2 | Công ty CP Đầu tư Vinatex- Tân tạo | 63.159 | 72.400 | 86.022 |
| Tổng cộng | | 156.304 | 195.545 | 237.309 |

Tổng lượng nước thủy cục tái chế và tái sử dụng trong năm

| NỘI DUNG | ĐVT | Năm 2015 | Năm 2016 |
|--|----------------|--------------|--------------|
| Sử dụng nước thủy cục sau xử lý nước thải để rửa nền khu vực hoá thành | m ³ | 1049 | 3.166 |
| Lắp hệ thống hoàn lưu nước thủy cục tới trực cán trát cao | m ³ | 300 | 300 |
| TỔNG CỘNG | | 1.349 | 3.466 |



Tuân thủ về pháp luật môi trường

Năm 2016, Công ty luôn thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các quy định về vấn đề môi trường, do đó Công ty không bị xử phạt vi phạm pháp luật môi trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM CAM KẾT

- ✓ Tuân thủ pháp luật, các quy định và yêu cầu khác về môi trường có liên quan;
- ✓ Thiết lập, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản lý môi trường phù hợp nhằm ngăn ngừa ô nhiễm, bảo vệ môi trường;
- ✓ Truyền đạt chính sách môi trường đến mọi nhân viên, các nhà thầu và các bên liên quan nhằm đảm bảo sự tham gia của mọi người



Các biện pháp cụ thể như sau:

Về củng cố bộ máy làm công tác bảo vệ môi trường trong đơn vị

Tổ chức bộ máy, phân công phân nhiệm, nhân lực và kinh phí hoạt động: Từ cấp Công ty đến các Xí nghiệp thành viên đều có thành lập Ban môi trường, có phân công trưởng ban và thường trực môi trường dưới sự quản lý trực tiếp của Ban lãnh đạo Công ty và Xí nghiệp. Đồng thời, lập kế hoạch kinh phí hoạt động: có xây dựng kinh phí hoạt động từ cấp Công ty đến các Xí nghiệp, cụ thể kinh phí bảo vệ môi trường đã thực hiện trong năm 2016: 8.308.329.462 đồng.

Tổ chức kiểm tra giám sát thực hiện công tác bảo vệ môi trường

Ngoài ra Pinaco đã triển khai áp dụng hệ thống quản lý môi trường ISO14001:2004 tại các đơn vị thành viên và được Tổ chức BUREAU VERITAS CERTIFICATION VIET NAM LIMITED cấp giấy chứng nhận hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 tại 03 Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai; Xí nghiệp Ấc quy Đồng Nai 2 Và Xí nghiệp Ấc quy Sài Gòn vào tháng 7 năm 2016 vừa qua.

Bên cạnh đó, Công ty đã giảm bớt các tác động có hại đến môi trường trong khuôn viên sản xuất và môi trường xã hội bằng cách tuân thủ chặt chẽ những quy định hiện hành về môi trường. Năm 2016, Công ty đã sử dụng toàn bộ nguồn vốn khấu hao TSCĐ liên quan đến xử lý môi trường để sửa chữa duy tu, nâng cấp đầu tư mới những thiết bị xử lý khí thải, nước thải, chất thải rắn, v.v... luôn duy trì môi trường trong sạch giữ gìn sức khỏe cho người lao động và cộng đồng.

Thêm vào đó, Công ty đã giảm gánh nặng ô nhiễm môi trường thông qua việc kiểm soát môi trường tại các xí nghiệp bao gồm: giảm thiểu chất thải ngay từ nguồn thải, thu gom, phân loại, lưu giữ theo qui định của Bộ Tài Nguyên Môi Trường và chỉ chuyển giao chất thải cho các Công ty/đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý, tiêu huỷ chất thải có chức năng được luật pháp cho phép. Đồng thời năm qua, Công ty đã củng cố và hợp tác chặt chẽ giữa các phòng ban trong Công ty trong các hoạt động bảo vệ môi trường; thúc đẩy đào tạo và phổ biến kiến thức môi trường cho tất cả các nhân viên trong Công ty.

Cuối cùng, định kỳ Công ty xem xét lại các mục tiêu môi trường cụ thể đã đặt ra, đồng thời đặt ra các mục tiêu môi trường khác cao hơn tiếp tục cải thiện.



Các chỉ tiêu về môi trường:

+ Đối với nước thải: Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý nước thải 24/24, tất cả nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt thải ra đều được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép trước khi thải ra môi trường ngoài hoặc thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp. Nước thải sau xử lý tại Xí nghiệp Ác quy Đồng Nai được tái sử dụng lại, góp phần tiết kiệm nước sử dụng và giảm thiểu tác động môi trường & sử dụng nguồn tài nguyên môi trường (lượng nước tái sử dụng: 20 m³/ ngày).

+ Đối với bụi - khí thải: Tất cả các xí nghiệp của PINACO đều có đầu tư hệ thống xử lý bụi, khí thải, tất cả các nơi có phát sinh bụi, hơi khí độc thải, cụ thể như: hệ thống xử lý hơi axit tại các phân xưởng hóa thành của các xí nghiệp sản xuất ắc quy, các hệ thống xử lý bụi, khí độc thải ra từ các nồi nấu chì, kẽm, cửa cắt thè, lắp ráp, v.v . . .

+ Đối với chất thải rắn – Chất thải nguy hại: đầu tư các kho lưu chứa tạm đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và môi trường. Công ty ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom tái chế và đưa về lại để sử dụng. Cụ thể là xỉ kẽm, xỉ chì, phế liệu chì.

+ Đối với chất thải sinh hoạt: ký hợp đồng với các đơn vị có chức năng để thu gom vận chuyển và xử lý.

Công ty luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững với các hoạt động thân thiện với môi trường.

Chính sách liên quan đến người lao động

Tính đến thời điểm 31/12/2016, Công ty có 1.136 lao động.

Công ty thành lập hội đồng bảo hộ lao động để kiểm tra giám sát công tác an toàn vệ sinh lao động trong toàn công ty, như thực hiện trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động đúng với từng ngành nghề công việc của người lao động. Xây dựng và thực hiện nghiêm Thỏa ước lao động với nhiều điều khoản có lợi cho người lao động. Tổ chức bồi dưỡng độc hại và khám sức khỏe định kỳ, khám bệnh nghề đúng theo quy định của Nhà nước. Hàng năm tổ chức cho người lao động đi nghỉ mát để tái tạo sức lao động, Chính quyền và Công đoàn thường xuyên tổ chức các hội thi nấu ăn, hội thao, hội diễn văn nghệ quần chúng để chăm lo vật chất và tinh thần cho CBCNV.

Công tác xã hội: Trong dịp trước Tết Nguyên đán Đinh Dậu 2017: Công đoàn Văn phòng công ty và Công đoàn XN Ấc quy Đồng Nai 2 cùng với Đoàn Thanh niên Công ty tổ chức đi công tác về nguồn tại Xã Cần Thạnh – Huyện Cần Giờ như : Viếng và thắp hương tại Nghĩa Trang Rừng Sát; Thăm và tặng quà cho hai bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, 64 gia đình liệt sĩ, gia đình thương bệnh binh và Trường Khuyết Tật xã Cần Thạnh – Huyện Cần Giờ - Thành phố Hồ Chí Minh, v.v...



Chính sách đào tạo

| Chỉ tiêu | Đơn vị tính | Giá trị |
|---|---------------|------------|
| GIÁN TIẾP | | |
| | người | 266 |
| Tổng số lượt người gián tiếp được đào tạo | người | 214 |
| Tổng số giờ đào tạo | giờ | 12,427.429 |
| Trung bình | giờ/người/năm | 46.72 |
| TRỰC TIẾP | | |
| Tổng số người đào tạo | | 993 |
| Tổng số giờ đào tạo | | 4,292 |
| Trung bình | | 4.93 |
| CẤP QUẢN LÝ | | |
| Số giờ đào tạo | người | 155 |
| Số cán bộ quản lý | giờ | 28 |
| Trung bình | giờ/người/năm | 55.53 |
| Bình quân chung | giờ/người/năm | 14,72 |



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với Cộng đồng địa phương

Công tác xã hội, từ thiện trong năm

Ngoài việc chăm lo cho người lao động, công ty còn quan tâm đến con em Cán, bộ công nhân viên và những người đã nghỉ hưu: Trợ cấp thường xuyên cho 03 cán bộ hưu trí khó khăn với số tiền 1.500.000 đồng/người/quý. Chăm lo tặng quà cho các cháu thiếu nhi nhân dịp tết trung thu và ngày quốc tế thiếu nhi 1/6 cho 1.792 cháu với số tiền 113,965 triệu đồng. Khen thưởng cho 332 cháu đạt học sinh giỏi và thi đậu đại học con Cán bộ, công nhân viên với số tiền 118,934 triệu đồng, công đoàn công ty xét cấp học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” cho 17 cháu học giỏi tiêu biểu, vượt khó học giỏi với số tiền 18,4 triệu đồng. Thăm hỏi, tặng quà cho 131 cán bộ hưu trí vào dịp Tết nguyên đán, lễ quốc khánh 2/9 với số tiền: 79,6 triệu đồng. Tặng quà cho 330 cán bộ và công nhân hưu trí: 188,5 triệu đồng. Trợ cấp khó khăn cho CNLĐ: 24 lượt, với số tiền: 51 triệu đồng. Hỗ trợ giúp đỡ cho 15 công nhân lao động để sửa chữa, xây dựng lại nhà ở với số tiền: 293 triệu đồng.

Công ty cũng quan tâm làm tốt công tác xã hội, từ thiện với nhiều hoạt động: Ủng hộ cứu trợ đồng bào bị lũ lụt tỉnh Hà Tĩnh và Quảng Bình với số tiền 407 triệu đồng, ủng hộ chiến sĩ hải quân đảo Trường Sa 100 thùng pin - khoảng trên 80 triệu đồng; Ủng hộ xây dựng tượng đài liệt sĩ, khu nuôi dưỡng người khuyết tật; Xây dựng 01 nhà tình thương tại Phường Cô Giang, Quận 1; Phụng dưỡng 1 Mẹ Việt nam Anh Hùng với mức 1 triệu đồng/1 mẹ/tháng, 1 thương binh nặng; Đóng góp quỹ an sinh xã hội của Tập đoàn với số tiền: 300 triệu đồng; Ủng hộ giúp đỡ các gia đình thương binh liệt sĩ nhân dịp 27/7; Thăm hỏi trợ giúp khu nuôi dưỡng người già cô đơn, trẻ em nghèo, mồ côi khuyết tật... vào các dịp lễ tết.v.v.

Tổng số tiền tham gia hoạt động xã hội từ thiện của đơn vị trong năm trên 1.300 triệu đồng.



Phần VII

BÁO CÁO TÀI CHÍNH



PINACCO

**PINACO**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2016

Cho năm kết thúc ngày 31/12/2016

(Đã được kiểm toán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

| NỘI DUNG | TRANG |
|---|--------------|
| Thông tin về doanh nghiệp | 1 |
| Báo cáo của Ban Giám đốc | 2 |
| Báo cáo kiểm toán độc lập | 3 |
| Bảng cân đối kế toán (Mẫu số B 01 – DN) | 5 |
| Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (Mẫu số B 02 – DN) | 7 |
| Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (Mẫu số B 03 – DN) | 8 |
| Thuyết minh báo cáo tài chính (Mẫu số B 09 – DN) | 9 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM

THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

**Giấy Chứng nhận
Đăng ký Kinh doanh**

Số 4103002690 ngày 23 tháng 9 năm 2004

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp

Hội đồng Quản trị

Ông Phan Văn Tiền

Chủ tịch

(từ ngày 29 tháng 2 năm 2016)

Ông Lâm Thái Dương

Chủ tịch

(đến ngày 29 tháng 2 năm 2016)

Ông Trần Thanh Văn

Thành viên

Bà Phạm Kiều Diễm

Thành viên

Ông Ngô Đình Luyện

Thành viên

Ông Cao Trọng Miên

Thành viên

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Ngọc Ánh

Trưởng ban

Ông Tạ Duy Linh

Thành viên

Bà Bùi Thu Hằng

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Ông Lê Văn Năm

Phó Tổng Giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Ông Trần Thanh Văn

Tổng Giám đốc

Trụ sở chính

321 Trần Hưng Đạo, Phường Cô Giang, Quận 1,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Kiểm toán viên

Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Pin Ắc Quy Miền Nam ("Công ty") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, và kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của năm kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

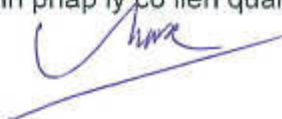
- chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- lập báo cáo tài chính trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định đơn vị hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh số 2 của báo cáo tài chính. Ban Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận và các sai sót khác.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính đính kèm từ trang 5 đến trang 37. Báo cáo tài chính này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 15 tháng 3 năm 2017



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2016, và được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt ngày 15 tháng 3 năm 2017. Báo cáo tài chính này bao gồm: bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 37.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần vào ngày 14 tháng 3 năm 2016.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PricewaterhouseCoopers Việt Nam



Mai Việt Hùng Trần
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0048-2016-006-1
Chữ ký được ủy quyền



Đào Quang Huy
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 1895-2016-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM5753
TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 3 năm 2017

Như đã nêu trong thuyết minh 2.1 của báo cáo tài chính, báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán đã được thừa nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước CHXHCN Việt Nam, và hơn nữa, cũng không dành cho những người sử dụng nào không biết các nguyên tắc, các thủ tục và các thông lệ kế toán Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|---|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2016 VND | 2015 VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 1.250.694.693.732 | 890.569.482.441 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 107.606.270.185 | 132.718.096.879 |
| 111 | Tiền | | 77.606.270.185 | 92.718.096.879 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 30.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| 120 | Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | | 466.823.472.222 | 200.000.000.000 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4 | 466.823.472.222 | 200.000.000.000 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 93.933.186.979 | 109.863.293.067 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 63.588.506.863 | 72.266.232.794 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | | 15.079.526.116 | 27.550.166.480 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 6 | 17.492.150.986 | 12.037.746.085 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 7 | (2.319.479.698) | (2.051.100.538) |
| 139 | Tài sản thiếu chờ xử lý | | 92.482.712 | 60.248.246 |
| 140 | Hàng tồn kho | 8 | 562.436.767.688 | 437.076.456.605 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 603.546.529.190 | 452.572.826.457 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (41.109.761.502) | (15.496.369.852) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 19.894.996.658 | 10.911.635.890 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | | 2.611.790.874 | 3.720.897.514 |
| 152 | Thuế GTGT được khấu trừ | | 17.283.205.784 | 7.190.738.376 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 433.308.319.503 | 373.644.583.331 |
| 220 | Tài sản cố định | | 303.765.087.397 | 315.661.022.116 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 9(a) | 275.205.478.099 | 284.914.847.976 |
| 222 | Nguyên giá | | 770.303.454.937 | 719.779.006.909 |
| 223 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (495.097.976.838) | (434.864.158.933) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 9(b) | 28.559.609.298 | 30.746.174.140 |
| 228 | Nguyên giá | | 57.567.728.716 | 57.567.728.716 |
| 229 | Giá trị hao mòn lũy kế | | (29.008.119.418) | (26.821.554.576) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 44.698.941.601 | 8.542.154.671 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 10 | 44.698.941.601 | 8.542.154.671 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 32.500.000.000 | 3.600.000.000 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên kết | 11 | 32.500.000.000 | - |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | | - | 3.600.000.000 |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 52.344.290.505 | 45.841.406.544 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 12 | 4.889.485.538 | 2.407.932.898 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 13 | 15.771.363.407 | 9.005.082.120 |
| 263 | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 8 | 31.233.941.560 | 34.248.891.526 |
| 268 | Tài sản dài hạn khác | | 449.500.000 | 179.500.000 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 1.684.003.013.235 | 1.264.214.065.772 |

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(tiếp theo)

| Mã số | NGUỒN VỐN | Thuyết minh | Tại ngày 31 tháng 12 năm | |
|------------|--|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | 2016 VND | 2015 VND |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 1.115.286.365.227 | 758.103.792.756 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 1.080.482.878.072 | 753.980.792.756 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 14 | 86.499.511.869 | 94.330.348.979 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | | 64.668.886.442 | 13.886.036.753 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước | 15 | 15.817.408.815 | 19.700.051.233 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 168.979.544.277 | 116.533.424.916 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 16 | 55.585.690.917 | 69.038.956.110 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 17 | 78.597.166.923 | 1.143.885.410 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 18 | 588.632.147.774 | 421.442.078.873 |
| 321 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 19 | 7.837.855.717 | 7.281.312.372 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 20 | 13.864.665.338 | 10.624.698.110 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 34.803.487.155 | 4.123.000.000 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | | 820.000.000 | 4.123.000.000 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn khác | 21 | 33.983.487.155 | - |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 568.716.648.008 | 506.110.273.016 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 568.716.648.008 | 506.110.273.016 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 22, 23 | 464.717.070.000 | 309.812.930.000 |
| 411a | Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 22 | 464.717.070.000 | 309.812.930.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 22 | 1.584.699.224 | 62.295.088.755 |
| 415 | Cổ phiếu quỹ | 22 | - | (14.419.110.657) |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 22 | 12.134.194.059 | 93.729.583.577 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 22 | 90.280.684.725 | 54.691.781.341 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 23.710.488.341 | 109.015.241.950 |
| 421b | - LNST chưa phân phối năm nay | | 66.570.196.384 | 25.548.585.891 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 1.684.003.013.235 | 1.264.214.065.772 |


Lê Thị Cẩm Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------|--|--|-------------------|
| | | 2016 VND | 2015 VND |
| 01 | Doanh thu bán hàng | 2.537.379.612.088 | 2.260.209.841.679 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 246.471.981.966 | 165.532.457.466 |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 – 02) | 2.290.907.630.122 | 2.094.677.384.213 |
| 11 | Giá vốn hàng bán | 1.896.229.352.633 | 1.744.354.988.585 |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng (20 = 10 – 11) | 394.678.277.489 | 350.322.395.628 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 26.882.776.992 | 19.872.808.195 |
| 22 | Chi phí tài chính | 24.153.001.753 | 39.189.490.696 |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | 13.709.909.913 | 9.590.403.327 |
| 25 | Chi phí bán hàng | 173.180.793.397 | 171.202.538.734 |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | 65.282.483.971 | 38.429.206.262 |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 – 22) – (25 + 26)} | 158.944.775.360 | 121.373.968.131 |
| 31 | Thu nhập khác | 1.762.688.306 | 2.059.505.301 |
| 32 | Chi phí khác | 334.468.394 | 2.481.632.164 |
| 40 | Lợi nhuận khác/(chi phí khác) (40 = 31 – 32) | 1.428.219.912 | (422.126.863) |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 160.372.995.272 | 120.951.841.268 |
| 51 | Chi phí thuế TNDN hiện hành | 45.797.335.969 | 35.456.054.235 |
| 52 | Thu nhập thuế TNDN hoãn lại | (6.766.281.287) | (4.980.551.437) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 – 51 – 52) | 121.341.940.590 | 90.476.338.470 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 25 | 1.733 |

Lê Thị Cẩm Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 9 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|--|---|---|--------------------------|
| | | 2016 VND | 2015 VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận trước thuế | 160.372.995.272 | 120.951.841.268 |
| | Điều chỉnh cho các khoản: | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") | 69.101.738.359 | 65.945.157.314 |
| 03 | Các khoản dự phòng | 60.421.801.310 | 12.669.703.444 |
| 04 | Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 4.073.213.465 | (776.394.263) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | 29 (23.687.667.605) | (15.614.414.641) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 30 13.709.909.913 | 9.590.403.327 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 283.991.990.714 | 192.766.296.449 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | 13.638.615.427 | (33.816.737.199) |
| 10 | Tăng hàng tồn kho | (147.958.752.767) | (871.978.409) |
| 11 | Tăng các khoản phải trả | 138.678.856.312 | 73.263.465.797 |
| 12 | Tăng chi phí trả trước | (1.372.446.000) | (35.081.727.304) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (13.313.714.513) | (9.590.403.327) |
| 15 | Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 (32.659.472.447) | (35.020.168.674) |
| 17 | Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh | (6.867.388.020) | (4.916.571.648) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 234.137.688.706 | 146.732.175.685 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ | (93.362.590.570) | (20.025.283.247) |
| 22 | Thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và tài sản dài hạn khác | 65.709.091 | 449.579.272 |
| 23 | Chi gửi tiền ngân hàng có kì hạn | (266.823.472.222) | (55.000.000.000) |
| 26 | Thu gửi tiền ngân hàng có kì hạn | 3.600.000.000 | - |
| 27 | Thu lãi tiền gửi | 15.410.479.707 | 10.946.974.258 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | (341.109.873.994) | (63.628.729.717) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 31 | Thu từ tái phát hành cổ phiếu quỹ | 22 14.883.277.549 | - |
| 33 | Thu từ vay ngắn hạn | 2.117.965.113.381 | 1.788.397.194.972 |
| 34 | Chi trả nợ gốc vay | (1.987.259.493.326) | (1.854.621.331.799) |
| 36 | Chi trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu | (63.511.487.900) | (85.865.268.000) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | 82.077.409.704 | (152.089.404.827) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | (24.894.775.584) | (68.985.958.859) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 132.718.096.879 | 200.636.882.571 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | (217.051.110) | 1.067.173.167 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 107.606.270.185 | 132.718.096.879 |

Lê Thị Cẩm Tú
Người lập

Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng

Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc
Ngày 15 tháng 3 năm 2017

Các thuyết minh từ trang 5 đến trang 37 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2016**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Pin ắc quy Miền Nam ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002690 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 9 năm 2004 và Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh điều chỉnh số 0300405462 (điều chỉnh lần thứ 14) ngày 22 tháng 8 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh theo Quyết định số 69/UBCK-GPNY ngày 9 tháng 11 năm 2006 của Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước.

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất và phân phối pin và ắc quy.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là trong vòng 12 tháng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Công ty có 1.136 nhân viên (2015: 1.081 nhân viên).

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng

Thông tư số 53/2016/TT-BTC ("Thông tư 53") - Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") - I hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 21 tháng 3 năm 2016. Thông tư 53 được áp dụng cho các năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 1 tháng 1 năm 2016. Tuy nhiên, các doanh nghiệp được lựa chọn áp dụng các sửa đổi liên quan đến tỷ giá hối đoái cho các báo cáo tài chính năm 2015.

Theo Thông tư 200 các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Các thay đổi quan trọng trong chính sách kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo Thông tư 53, tỷ giá giao dịch thực tế có thể là tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá mua, bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch. Tỷ giá xấp xỉ phải đảm bảo chênh lệch không vượt quá +/-1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình. Tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình được xác định hàng ngày hoặc hàng tuần hoặc hàng tháng trên cơ sở trung bình cộng giữa tỷ giá mua và tỷ giá bán chuyển khoản hàng ngày của ngân hàng thương mại.

Đồng thời, theo Thông tư 53, trường hợp Công ty sử dụng tỷ giá xấp xỉ để hạch toán các giao dịch bằng ngoại tệ phát sinh trong kỳ như trên, cuối kỳ kế toán Công ty phải sử dụng tỷ giá chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch để đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ. Tỷ giá chuyển khoản này có thể là tỷ giá mua hoặc bán hoặc tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại.

2.3 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.4 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND").

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày bảng cân đối kế toán. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.5 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn đáo hạn ban đầu không quá ba tháng.

2.6 Khoản phải thu khách hàng

Các khoản phải thu khách hàng được thể hiện theo giá trị ghi trên hóa đơn gốc trừ dự phòng các khoản phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm cuối kỳ báo cáo. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân giá quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Trong trường hợp các sản phẩm được sản xuất, giá gốc bao gồm tất cả các chi phí trực tiếp và chi phí sản xuất chung dựa trên mức độ hoạt động bình thường. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ. Dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, chậm lưu chuyển và bị hỏng.

2.8 Đầu tư

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được.

(b) Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó.

Đầu tư vào công ty liên kết được hạch toán theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư.

2.9 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được tài sản cố định.

Khấu hao và hao mòn

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.9 Tài sản cố định (tiếp theo)**

| | |
|--------------------------|------------|
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 5 - 25 năm |
| Máy móc và thiết bị | 3 - 12 năm |
| Phương tiện vận chuyển | 6 - 10 năm |
| Thiết bị quản lý | 3 - 5 năm |
| Phần mềm vi tính | 3 - 5 năm |
| Khác | 5 - 8 năm |

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí trực tiếp liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 50 năm.

Tài sản vô hình khác bao gồm giá mua của phí chuyển giao công nghệ và phí tư vấn quản trị nhân sự được vốn hóa và hạch toán là tài sản vô hình. Nguyên giá của tài sản vô hình khác được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 3 đến 5 năm.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán tài sản cố định được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê hoặc quản trị, hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc. Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại tài sản cố định khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán. Các khoản chi phí trả trước này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.11 Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.12 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

2.13 Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

2.14 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi: Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; sự giảm sút những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

2.15 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ báo cáo theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày lập bảng cân đối kế toán này.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

Công ty đã không ghi nhận khoản dự phòng trợ cấp thôi việc nêu trên do áp dụng Thông tư số 180/2012/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 cho những năm tài chính trước đây. Việc áp dụng Thông tư này dẫn đến sự khác biệt với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 18 - Các khoản dự phòng, tài sản và nợ tiềm tàng ("CMKTVN 18"). Tuy nhiên, Ban Giám đốc Công ty đã quyết định trích lập khoản trợ cấp thôi việc trên cơ sở của Luật lao động, phù hợp với CMKTVN 18 trong năm 2016. Theo đó, toàn bộ khoản trích lập này đã được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

2.16 Vốn chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)

Thặng dư vốn cổ phần: là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu; chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và được mua lại bởi chính Công ty, nhưng chưa bị hủy bỏ và sẽ được tái phát hành trở lại trong khoảng thời gian theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối: phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế thu nhập Công ty tại thời điểm báo cáo.

2.17 Phân chia lợi nhuận thuần

(a) Cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính của kỳ kế toán mà cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông.

(b) Quỹ khen thưởng phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội Cổ đông.

(c) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển kinh doanh được trích lập từ lợi nhuận thuần của Công ty và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng Cổ đông.

2.18 Ghi nhận doanh thu

(a) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.18 Ghi nhận doanh thu (tiếp theo)****(b) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với bản chất hơn hình thức và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa. Trường hợp Công ty dùng thành phẩm, hàng hóa để khuyến mãi cho khách hàng kèm theo điều kiện mua hàng của Công ty thì Công ty phân bổ số tiền thu được để tính doanh thu cho cả hàng khuyến mãi và giá trị hàng khuyến mãi được tính vào giá vốn hàng bán.

(b) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng và lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện. Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi được hưởng.

2.19 Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm chiết khấu thương mại, hàng bán bị trả lại và giảm giá hàng bán. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu đối với sản phẩm, hàng hóa tiêu thụ trong kỳ, phát sinh sau ngày của bảng cân đối kế toán nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

2.20 Giá vốn hàng bán

Giá vốn bán hàng là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.21 Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái và chiết khấu thanh toán.

2.22 Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa chủ yếu bao gồm các chi phí quảng cáo, khuyến mãi, chi phí bảo hành sản phẩm, và chi phí vận chuyển.

2.23 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp, ...); bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý; chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất, thuê môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và chi phí bằng tiền khác.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.24 Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp, kể cả các khoản thu nhập nhận được từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hóa dịch vụ tại nước ngoài mà Việt Nam chưa ký hiệp định về tránh đánh thuế hai lần. Chi phí thuế thu nhập bao gồm chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.25 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Giám đốc Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.26 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo khu vực địa lý). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty là dựa theo bộ phận chia theo khu vực địa lý.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)**2.26 Báo cáo bộ phận (tiếp theo)**

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 2016 VND | 2015 VND |
|----------------------------|------------------------|------------------------|
| Tiền mặt | 1.585.105.490 | 433.178.872 |
| Tiền gửi ngân hàng | 76.021.164.695 | 92.284.918.007 |
| Các khoản tương đương tiền | 30.000.000.000 | 40.000.000.000 |
| | <u>107.606.270.185</u> | <u>132.718.096.879</u> |

Các khoản tương đương tiền bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới ba tháng.

4 ĐẦU TƯ NẮM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn trên ba tháng nhưng dưới một năm tại ngân hàng và hưởng lãi suất dao động từ 5,3% đến 9,75% (2015: 6,7% đến 7,0%).

5 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Ông Chea Ly Veng | - | 14.855.982.856 |
| Ông Chea Se | 24.386.255.880 | - |
| Công ty TNHH Honda Việt Nam | 5.843.674.317 | 7.649.654.215 |
| Công ty Faith Chemical Enterprises | 6.684.209.766 | 5.330.321.236 |
| Công ty TNHH MTV SX & LR Ô tô tải Chu Lai | 1.428.072.773 | 6.137.572.050 |
| Các khách hàng khác | 25.246.294.127 | 38.292.702.437 |
| | <u>63.588.506.863</u> | <u>72.266.232.794</u> |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015, số dư các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán lần lượt là 3.106.277.032 đồng và 2.147.748.833 đồng như đã trình bày tại Thuyết minh số 7.

6 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

| | 2016 | | 2015 | |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|-----------------|
| | Giá trị VND | Dự phòng VND | Giá trị VND | Dự phòng VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng phôi thu | 14.481.164.870 | - | 0.364.111.111 | - |
| Tạm ứng cho nhân viên | 2.995.609.191 | - | 2.563.117.017 | - |
| Phải thu khác | 35.387.125 | - | 110.517.957 | - |
| | <u>17.492.150.956</u> | <u>-</u> | <u>12.037.746.085</u> | <u>-</u> |

7 DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI

| | 2016 | | | |
|---|------------------------------|----------------------------------|----------------------------|------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Thời gian quá hạn Ngày |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ | 114.952.000 | - | 114.952.000 | Trên 3 năm |
| Công ty tư nhân Mỹ Phương | 1.361.678.197 | - | 1.361.678.197 | Trên 3 năm |
| Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực | 256.132.002 | - | 256.132.002 | Trên 3 năm Từ 6 tháng |
| Công ty TNHH Faith Chemicals Khác | 1.077.042.814 296.472.019 | 753.929.970 32.867.364 | 323.112.844 263.804.655 | đến 1 năm Trên 3 năm |
| | <u>3.106.277.032</u> | <u>786.797.334</u> | <u>2.319.479.698</u> | |

| | 2015 | | | |
|---|----------------------|----------------------------------|----------------------|------------------------------|
| | Giá gốc VND | Giá trị có thể thu hồi VND | Dự phòng VND | Thời gian quá hạn Ngày |
| Doanh nghiệp tư nhân Mỹ Phương | 1.361.678.197 | - | 1.361.678.197 | Trên 3 năm |
| Hợp tác xã Dịch vụ và Thương mại Hợp Lực | 256.132.002 | - | 256.132.002 | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Hải Phương | 151.877.800 | 42.504.000 | 109.173.800 | 2 đến 3 năm |
| Công ty Cổ phần Việt Nam Motors Cần Thơ | 114.952.000 | - | 114.952.000 | Trên 3 năm |
| Khác | 263.308.834 | 54.144.295 | 209.164.539 | Trên 3 năm |
| | <u>2.147.748.833</u> | <u>96.648.295</u> | <u>2.051.100.538</u> | |

Ban Giám đốc Công ty tin rằng dự phòng phải thu khó đòi là phù hợp.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

8 HÀNG TỒN KHO

| | 2016 | | 2015 | |
|-------------------------------|------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc VND | Dự phòng VND | Giá gốc VND | Dự phòng VND |
| Nguyên vật liệu | 252.468.088.388 | - | 131.042.277.032 | - |
| Thành phẩm | 211.169.804.367 | (3.969.951.040) | 128.343.794.791 | (1.275.915.461) |
| Chi phí SXKD dở dang | 127.101.539.802 | (1.682.549.634) | 111.595.355.300 | - |
| Hàng đang đi trên đường | 8.501.058.245 | - | 78.772.670.195 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 4.306.038.388 | (4.262.205.638) | 2.797.803.524 | - |
| Hàng hóa | - | - | 20.955.615 | - |
| | <u>603.546.529.190</u> | <u>(10.114.706.312)</u> | <u>452.572.826.457</u> | <u>(1.275.915.461)</u> |
| Công cụ và dụng cụ dài hạn | <u>31.233.941.560</u> | <u>(30.995.055.190)</u> | <u>34.248.891.526</u> | <u>(14.220.454.391)</u> |

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số dư đầu năm | 15.496.369.852 | 3.208.674.175 |
| Tăng dự phòng | 25.613.391.650 | 24.199.411.608 |
| Hoàn nhập dự phòng | - | (11.911.715.931) |
| Số dư cuối năm | <u>41.109.761.502</u> | <u>15.496.369.852</u> |

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho bao gồm giá trị giảm giá của thành phẩm và chậm luân chuyển của công cụ dụng cụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUỲ MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

9 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH

(a) Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa và vật kiến trúc VND | Máy móc và thiết bị VND | Phương tiện vận tải VND | Dụng cụ văn phòng VND | Khác VND | Tổng cộng VND |
|--|------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|-----------------------------|---------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 135.748.079.758 | 550.457.453.203 | 23.448.563.363 | 8.844.005.285 | 1.280.905.300 | 719.779.006.909 |
| Mua trong năm | - | 345.559.091 | 2.667.532.818 | 64.218.000 | 839.887.000 | 3.917.196.909 |
| Xây dựng cơ bản mới hoàn thành (Thuyết minh 10) | - | 51.974.064.576 | 1.116.192.155 | 198.350.000 | - | 53.288.606.731 |
| Thanh lý | (208.749.831) | (6.369.510.892) | - | (103.094.889) | - | (6.681.355.612) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 135.539.329.927 | 596.407.565.978 | 27.232.288.336 | 9.003.478.396 | 2.120.792.300 | 770.303.454.937 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 60.437.718.433 | 351.064.742.750 | 14.051.148.050 | 8.342.936.333 | 957.613.367 | 434.864.158.933 |
| Khấu hao trong năm | 9.178.653.742 | 54.526.120.314 | 2.423.055.271 | 527.124.359 | 260.219.801 | 66.915.173.517 |
| Thanh lý | (208.749.831) | (6.369.510.892) | - | (103.094.889) | - | (6.681.355.612) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 69.407.622.344 | 399.221.352.172 | 16.484.203.321 | 8.766.965.833 | 1.217.833.168 | 495.097.976.838 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 75.310.361.325 | 199.392.710.453 | 9.387.415.313 | 501.068.952 | 323.291.933 | 284.914.847.976 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 66.131.707.583 | 197.196.213.806 | 10.748.085.015 | 236.512.563 | 902.959.132 | 275.205.478.099 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, nguyên giá tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 175.731 triệu đồng (2015: 156.481 triệu đồng).

9 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH (tiếp theo)**(b) Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy tính VND | Tài sản khác VND | Tổng cộng VND |
|---|-----------------------------|-----------------------------|------------------------|------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 47.293.702.056 | 5.055.248.004 | 5.218.778.656 | 57.567.728.716 |
| Khấu hao lũy kế | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 20.701.379.872 | 4.257.348.488 | 1.862.826.416 | 26.821.554.776 |
| Khấu hao trong năm | 543.360.877 | 403.381.567 | 1.239.822.398 | 2.186.564.842 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 21.244.740.549 | 4.660.730.055 | 3.102.648.814 | 29.008.119.418 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2016 | 26.592.322.184 | 797.899.516 | 3.355.952.240 | 30.746.174.140 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 26.048.961.507 | 394.517.949 | 2.116.129.842 | 28.559.609.298 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 nguyên giá tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng: 19.663 triệu đồng.

10 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

Biến động chi phí xây dựng cơ bản dở dang:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|------------------|-----------------|
| Số dư đầu năm | 8.542.154.671 | 5.634.772.664 |
| Mua trong năm | 89.445.393.661 | 9.170.177.409 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 9(a)) | (53.288.606.731) | (4.792.295.402) |
| Chuyển sang TSCĐ vô hình | - | (1.470.500.000) |
| Số dư cuối năm | 44.698.941.601 | 8.542.154.671 |

Các công trình xây dựng dở dang cơ bản lớn như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------|----------------|---------------|
| Máy móc thiết bị | 7.636.068.548 | 3.843.033.354 |
| Khác | 37.062.873.053 | 4.699.121.317 |
| | 44.698.941.601 | 8.542.154.671 |

11 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Chi tiết đầu tư góp vốn vào công ty liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 như sau:

| Đơn vị | Hoạt động chính | Giấy phép đầu tư | Tỷ lệ sở hữu (%) |
|--|--|---|------------------|
| Công ty TNHH Đầu tư Kinh doanh Bất động sản Thịnh Phát | Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng | Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0313711629 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP HCM cấp lần đầu vào ngày 22 tháng 3 năm 2016 và lần sửa đổi gần nhất là vào ngày 9 tháng 12 năm 2016 | 26% |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Ban Giám đốc Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư trên do công ty được đầu tư chưa niêm yết trên thị trường chứng khoán nên không có thông tin về giá trị hợp lý của khoản đầu tư này.

12 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------|----------------------|----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 3.782.971.362 | 2.225.628.304 |
| Khác | 1.106.514.176 | 182.304.594 |
| | <u>4.889.485.538</u> | <u>2.407.932.898</u> |

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|-------------------|----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.407.932.898 | 6.544.748.557 |
| Tăng trong năm | 5.816.772.651 | 1.319.579.225 |
| Phân bổ trong năm | (3.335.220.011) | (5.456.394.884) |
| Số dư cuối năm | <u>4.889.485.538</u> | <u>2.407.932.898</u> |

13 TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Biến động của thuế thu nhập hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 9.005.082.120 | 4.024.530.683 |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh | 6.766.281.287 | 4.980.551.437 |
| Số dư cuối năm | <u>15.771.363.407</u> | <u>9.005.082.120</u> |

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên các khoản mục sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|-----------------------|----------------------|
| Chi phí phải trả | 355.642.667 | 4.627.244.636 |
| Dự phòng bảo hành và trợ cấp thôi việc | 8.364.268.574 | 1.274.589.492 |
| Dự phòng phải thu khó đòi | - | 3.974.022 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho, công cụ dụng cụ | 7.051.452.166 | 3.099.273.970 |
| | <u>15.771.363.407</u> | <u>9.005.082.120</u> |

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại trong năm 2016 và 2015 là 20%.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để cân trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| | 2016 | | 2015 | |
|--------------------------------|-----------------------|---------------------------------|-----------------------|---------------------------------|
| | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND | Giá trị VND | Số có khả năng trả nợ VND |
| Bên thứ ba | | | | |
| <i>Công ty TNHH Thye Ming</i> | | | | |
| <i>Việt Nam</i> | 23.559.498.820 | 23.559.498.820 | 8.391.491.832 | 8.391.491.832 |
| <i>Thai United Plastic</i> | | | | |
| <i>industry Ltd.</i> | 6.569.125.566 | 6.569.125.566 | 7.455.566.009 | 7.455.566.009 |
| <i>Thai United Industry</i> | | | | |
| <i>Company Ltd.</i> | 6.562.309.168 | 6.562.309.168 | 9.137.011.000 | 9.137.011.000 |
| <i>Glencore Singapore Pte.</i> | | | | |
| <i>Ltd.</i> | - | - | 14.491.286.756 | 14.491.286.756 |
| <i>Samji Metal IND Ltd.</i> | - | - | 12.524.023.279 | 12.524.023.279 |
| <i>Khác</i> | 48.441.553.645 | 48.441.553.645 | 41.559.710.823 | 41.619.710.823 |
| Bên liên quan | | | | |
| (Thuyết minh số 36(b)) | 1.367.024.670 | 1.367.024.670 | 771.259.280 | 711.259.280 |
| | <u>86.499.511.869</u> | <u>86.499.511.869</u> | <u>94.330.348.979</u> | <u>94.330.348.979</u> |

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN KHÁC PHẢI NỘP NGẮN SÁCH NHÀ NƯỚC

| | Tại ngày 1.1.2016 VND | Số phải nộp trong năm VND | Số đã thực nộp trong năm VND | Tại ngày 31.12.2016 VND |
|----------------------------|-----------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-------------------------------|
| Thuế TNDN | 3.965.216.144 | 15.869.032.000 | (32.659.472.447) | 17.174.775.697 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 491.984.926 | 4.620.794.362 | (4.807.408.914) | 505.370.374 |
| Thuế GTGT | 4.648.648.986 | 7.971.630.815 | (12.620.279.801) | - |
| Tiền thuế đất và thuế khác | 10.594.201.177 | 117.968.604.556 | (130.423.632.989) | (1.662.737.256) |
| | <u>19.700.051.233</u> | <u>176.428.161.733</u> | <u>(180.310.794.151)</u> | <u>15.817.408.815</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

16 CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 2016 | 2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chiết khấu, chi phí bán hàng phải trả cho nhà phân phối | 54.024.004.571 | 62.761.364.847 |
| Chi phí tiếp thị và quảng cáo | - | 1.520.097.568 |
| Chi phí vận chuyển | 395.154.000 | 3.626.517.141 |
| Chi phí lãi vay | 396.195.400 | 614.306.554 |
| Chi phí phải trả khác | 770.336.946 | 516.670.000 |
| | <u>55.585.690.917</u> | <u>69.038.956.110</u> |

17 PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC

| | 2016 | 2015 |
|------------|-----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | <u>78.597.166.923</u> | <u>1.143.885.410</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

18 VAY NGẮN HẠN

| | Tại ngày 1.1.2016 VND | Tăng VND | Giảm VND | Tại ngày 31.12.2016 VND |
|-------------------|--------------------------|--------------------------|----------------------------|----------------------------|
| Vay ngân hàng (*) | 421.442.078.873 | 2.121.949.562.227 | (1.987.259.493.326) | 556.132.147.774 |
| Vay khác (**) | - | 32.500.000.000 | - | 32.500.000.000 |
| | <u>421.442.078.873</u> | <u>2.154.449.562.227</u> | <u>(1.987.259.493.326)</u> | <u>588.682.147.774</u> |

(*) Đây là các khoản vay tín chấp từ ngân hàng. Chi tiết cụ thể như sau:

| | Loại tiền | Lãi suất (năm) | 2016 VND | 2015 VND |
|--|-----------|----------------|------------------------|------------------------|
| Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam) | USD | 1,50% | 6.490.946.157 | 22.561.844.637 |
| | VND | 3,8% - 4,39% | 63.894.491.317 | - |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam | USD | 1,50% | - | 5.869.629.014 |
| | VND | 4,10% | - | 47.438.626.149 |
| Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) | USD | 1,40% | - | 26.038.681.089 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội (Vietcombank) | USD | 1,40% | 5.639.338.553 | 63.989.642.718 |
| Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu | VND | 4,4% - 4,5% | 183.891.865.900 | 255.543.655.266 |
| | VND | 5,1% - 6,7% | 28.300.079.065 | - |
| | USD | 1,4% - 1,5% | 184.113.401.623 | - |
| | USD | 1,40% | 83.802.025.159 | - |
| | | | <u>556.132.147.774</u> | <u>421.442.078.873</u> |

(**) Đây là khoản vay ngắn hạn tín chấp không lãi suất từ Công ty Cổ phần Thương mại Địa ốc Việt với mục đích góp vốn đầu tư. Thời hạn hoàn trả khoản vay là vào ngày 2 tháng 5 năm 2017.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

19 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 2016 | 2015 |
|------------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng chi phí bảo hành | 7.837.855.717 | 6.372.947.458 |
| Dự phòng chi phí sửa chữa lớn TSCĐ | - | 908.364.914 |
| | <u>7.837.855.717</u> | <u>7.281.312.372</u> |

Biến động của khoản dự phòng bảo hành, chi phí sửa chữa và bảo dưỡng TSCĐ định kỳ trong năm như sau:

| | 2016 | 2015 |
|-------------------------------|----------------------|----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 7.281.312.372 | 6.908.915.025 |
| Dự phòng lập trong năm | 13.410.759.873 | 908.364.914 |
| Hoàn nhập và sử dụng dự phòng | (12.854.216.528) | (535.967.567) |
| Số dư cuối năm | <u>7.837.855.717</u> | <u>7.281.312.372</u> |

20 QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

Biến động của Quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2016 | 2015 |
|----------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 10.624.698.110 | 5.588.872.528 |
| Tăng trong năm | 10.107.355.248 | 10.051.397.232 |
| Sử dụng quỹ | (6.867.388.020) | (5.015.571.648) |
| Số dư cuối năm | <u>13.864.665.338</u> | <u>10.624.698.110</u> |

21 DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ DÀI HẠN KHÁC

Dự phòng phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản trích trước chi phí trợ cấp thôi việc cho nhân viên tại ngày 31 tháng 12 năm 2016.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN AC QUỲ MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

22 TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU

| | Vốn cổ phần VND | Thặng dư vốn cổ phần VND | Cổ phiếu quỹ VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng cộng VND |
|--|--------------------|--------------------------------|---------------------|---------------------------------|--|------------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 269.878.430.000 | 62.295.088.755 | (14.419.110.657) | 84.681.949.730 | 109.015.241.950 | 511.451.599.778 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 90.476.338.470 | 90.476.338.470 |
| Cổ tức bằng tiền mặt | - | - | - | - | (85.865.268.000) | (85.865.268.000) |
| Cổ tức bằng cổ phiếu | 39.934.500.000 | - | - | - | (39.934.500.000) | - |
| Phân phối quỹ | - | - | - | 9.047.633.847 | (9.047.633.847) | - |
| Trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (9.952.397.232) | (9.952.397.232) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 309.812.930.000 | 62.295.088.755 | (14.419.110.657) | 93.729.583.577 | 54.691.781.341 | 506.110.273.016 |
| Tăng vốn cổ phần (*) | 154.904.140.000 | (61.174.556.423) | - | (93.729.583.577) | - | - |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 121.341.940.590 | 121.341.940.590 |
| Cổ tức bằng tiền mặt (**) | - | - | - | - | (63.511.487.900) | (63.511.487.900) |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 464.166.892 | 14.419.110.657 | - | - | 14.883.277.549 |
| Trích lập Quỹ đầu tư phát triển | - | - | - | 12.134.194.059 | (12.134.194.059) | - |
| Trích lập Quỹ khen thưởng và phúc lợi | - | - | - | - | (10.107.355.247) | (10.107.355.247) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 464.717.070.000 | 1.584.699.224 | - | 12.134.194.059 | 90.280.684.725 | 568.716.648.008 |

(*) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 5 năm 2016, Công ty đã phát hành cổ phiếu (tỷ lệ 2:1) để tăng vốn cổ phần từ các nguồn vốn chủ sở hữu tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2015, theo thứ tự ưu tiên: Quỹ đầu tư phát triển và Thặng dư vốn cổ phần.

(**) Căn cứ Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2016 ngày 9 tháng 5 năm 2016 và Nghị quyết số 340/NQ-HĐQT/2016 của Hội đồng Quản trị ngày 1 tháng 8 năm 2016, Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức với tỷ lệ 17% trên vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

23 VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

| | 31.12.2016 | | 31.12.2015 | |
|---------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đã đăng ký | 46.471.707 | - | 30.981.293 | - |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 46.471.707 | - | 30.981.293 | - |
| Số lượng cổ phiếu đã mua lại | - | - | (362.812) | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 46.471.707 | - | 30.618.481 | - |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 31.12.2016 | | 31.12.2015 | |
|---------------------------------|--------------------|-------|--------------------|-------|
| | Cổ phiếu phổ thông | % | Cổ phiếu phổ thông | % |
| Phần vốn của nhà nước | 23.898.273 | 51,43 | 15.716.466 | 51,33 |
| Phần vốn của các đối tượng khác | 22.573.434 | 48,57 | 14.902.015 | 48,67 |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 46.471.707 | 100 | 30.618.481 | 100 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 đồng. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

(c) Tình hình biến động vốn cổ phần

| | Số lượng cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông VND | Tổng cộng VND |
|-------------------------------|-------------------|------------------------|-----------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2015 | 26.987.843 | 269.878.430.000 | 269.878.430.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành | 3.893.450 | 39.934.500.000 | 39.934.500.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015 | 30.981.293 | 309.812.930.000 | 309.812.930.000 |
| Cổ phiếu mới phát hành | 15.490.414 | 154.904.140.000 | 154.904.140.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 | 46.471.707 | 464.717.070.000 | 464.717.070.000 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

24 CỐ TỨC

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------|------------------|------------------|
| Số dư đầu năm | - | - |
| Cố tức phải trả trong năm | 63.511.487.900 | 125.799.768.000 |
| Cố tức chi trả bằng cổ phiếu | - | (39.934.500.000) |
| Cố tức chi trả bằng tiền | (63.511.487.900) | (85.865.268.000) |
| | <u>-</u> | <u>-</u> |
| Số dư cuối năm | <u>-</u> | <u>-</u> |

25 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân giá quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ:

| | 2016 | 2015 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 121.341.940.590 | 90.476.338.470 |
| Điều chỉnh giảm số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (VND) (*) | (10.107.355.247) | (9.952.397.232) |
| | <u>111.234.585.343</u> | <u>80.523.941.238</u> |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | <u>46.471.707</u> | <u>46.471.707</u> |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | <u>2.394</u> | <u>1.733</u> |

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm 2016 dựa vào kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty do các cổ đông quyết định trong Đại hội đồng cổ đông thường niên và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2016 của Công ty theo Quyết định của Hội đồng Quản trị.

Ngoài ra, lợi nhuận của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 đã được điều chỉnh lại so với số liệu đã trình bày trong báo cáo tài chính kỳ trước để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của năm trước. Đồng thời, số lượng cổ phiếu lưu hành bình quân cũng được điều chỉnh tăng nhằm phản ánh ảnh hưởng của cổ phiếu phát hành thêm từ Thặng dư vốn cổ phần và Quỹ đầu tư phát triển trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông vào ngày lập báo cáo tài chính giữa niên độ này.

26 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CẦN ĐÓI KẾ TOÁN**(a) Tài sản thuê hoạt động**

Các khoản thanh toán tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang là 2.413.400.000 đồng và 1.641.400.000 đồng tương ứng với các năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 31 tháng 12 năm 2015 (Thuyết minh 36(a)).

(c) Ngoại tệ các loại

| | 2016 | | 2015 | |
|-----|-----------|-----------------------|-----------|-----------------------|
| | Nguyên tệ | VND | Nguyên tệ | VND |
| USD | 858.940 | 19.575.234.624 | 1.567.494 | 35.189.521.785 |
| EUR | 253 | 6.125.300 | 246 | 6.005.343 |
| | | <u>19.581.359.924</u> | | <u>35.195.527.128</u> |

27 DOANH THU BÁN HÀNG

| | 2016 VND | 2015 VND |
|------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu | | |
| Doanh thu pin và ắc quy | <u>2.537.379.612.088</u> | <u>2.260.209.841.679</u> |
| Các khoản giảm trừ | | |
| Chiết khấu thương mại | <u>246.471.981.966</u> | <u>165.532.457.466</u> |
| Doanh thu thuần về bán hàng | | |
| Doanh thu thuần pin và ắc quy | <u>2.290.907.630.122</u> | <u>2.094.677.384.213</u> |

28 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.870.615.960.983 | 1.732.067.292.908 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (Thuyết minh 8) | 25.613.391.650 | 12.287.695.677 |
| | <u>1.896.229.352.633</u> | <u>1.744.354.988.585</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ÁC QUY MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

29 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2016 | 2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 23.621.958.514 | 15.164.835.369 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 3.260.618.478 | 3.611.758.684 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | - | 1.096.214.142 |
| | <u>26.882.776.992</u> | <u>19.872.808.195</u> |

30 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2016 | 2015 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 13.709.909.913 | 9.590.403.327 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện | 6.369.878.375 | 28.422.683.519 |
| Lỗ thuần do đánh giá lại các khoản có gốc ngoại tệ cuối năm | 4.073.213.465 | 319.819.879 |
| Chiết khấu thanh toán | - | 856.583.971 |
| | <u>24.153.001.753</u> | <u>39.189.490.696</u> |

31 CHI PHÍ BÁN HÀNG

Các khoản chủ yếu trong chi phí bán hàng bao gồm:

| | 2016 | 2015 |
|-------------------------------|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| Chi phí quảng cáo, khuyến mãi | 27.574.816.068 | 18.507.869.718 |
| Chi phí nhân viên | 56.051.171.643 | 27.426.442.027 |
| Chi phí thuê xe | 28.830.394.611 | 28.431.290.649 |
| Chi phí bảo hành | 12.299.921.254 | 8.895.236.680 |

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN AC QUÝ MIỀN NAM

Mẫu số B 09 – DN

34 BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý:

Doanh thu và chỉ tiêu vốn bộ phận dựa vào vị trí địa lý của Công ty như sau:

| | Trong nước | | Xuất khẩu | | Tổng | |
|-----------------|-------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-------------------|-------------------|
| | 2016 VND | 2015 VND | 2016 VND | 2015 VND | 2016 VND | 2015 VND |
| Doanh thu thuần | 1.854.819.584.450 | 1.690.157.725.062 | 436.088.065.672 | 404.519.659.151 | 2.290.907.630.122 | 2.094.677.384.213 |

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh:

Hoạt động sản xuất và kinh doanh pin và ắc quy là hoạt động chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các khoản doanh thu khác chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng doanh thu của Công ty, do vậy Ban Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất.

35 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% (2015: 22%) như sau.

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 160.372.995.272 | 120.951.841.268 |
| Thuế tính ở thuế suất 20% (2015: 22%) | 32.074.599.054 | 26.609.405.079 |
| Điều chỉnh: | | |
| Chi phí không được khấu trừ | 4.685.418.375 | 631.915.241 |
| Ảnh hưởng của chênh lệch thuế suất | - | 900.508.212 |
| Dự phòng thiếu của năm trước | 2.271.037.252 | 2.333.674.266 |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | <u>39.031.054.681</u> | <u>30.475.502.798</u> |
| Chi phí/(thu nhập) thuế thu nhập doanh nghiệp ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh: | | |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp - hiện hành (*) | 45.797.335.969 | 35.456.054.235 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp - hoãn lại (Thuyết minh 13) | (6.766.281.287) | (4.980.551.437) |
| | <u>39.031.054.681</u> | <u>30.475.502.798</u> |

(*) Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp cho năm tài chính được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN**(a) Giao dịch với các bên liên quan**

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>i) Mua hàng hóa</i> | | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam | 17.726.006.210 | 21.465.252.522 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh | 1.278.984.762 | 959.328.425 |
| Công ty Cổ phần Hơi Kỹ nghệ Que Hàn | 345.666.750 | 359.844.350 |
| Công ty Cổ phần Bột giặt và Hóa chất Đức Giang | 2.097.164.790 | 1.739.924.439 |
| | <u>21.447.822.512</u> | <u>24.524.349.736</u> |

36 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

| | 2016 VND | 2015 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| <i>ii) Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt</i> | | |
| Lương và các quyền lợi gộp khác | 2.001.613.202 | 1.471.588.015 |
| <i>iii) Hoạt động tài chính</i> | | |
| Chi trả cổ tức | 32.660.973.100 | 33.526.853.600 |
| (b) Số dư cuối kỳ với các bên liên quan | | |
| | 31.12.2016 VND | 31.12.2015 VND |
| <i>Phải trả người bán (Thuyết minh 14)</i> | | |
| Công ty Cổ phần Hóa chất Cơ bản Miền Nam | 1.255.287.550 | 754.781.280 |
| Công ty Cổ phần Công nghiệp Hóa chất và Vi sinh | 85.073.120 | - |
| Công ty Cổ phần Hời Kỹ nghệ Que Hàn | 26.664.000 | 16.478.000 |
| | <u>1.367.024.670</u> | <u>771.259.280</u> |

37 CÁC CAM KẾT

(a) Cam kết thuê hoạt động

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|----------------------------|----------------------|----------------------|
| Trong vòng một năm | 1.956.000.000 | 986.400.000 |
| Trong vòng hai đến năm năm | 457.400.000 | 655.000.000 |
| | <u>2.413.400.000</u> | <u>1.641.400.000</u> |

37 CÁC CAM KẾT (tiếp theo)

(b) Cam kết vốn

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

| | 2016 VND | 2015 VND |
|--------------------------|----------------|----------------|
| Máy móc và thiết bị | 23.852.521.004 | 35.806.698.997 |
| Nhà cửa và vật kiến trúc | 4.192.881.708 | 2.554.931.420 |
| Hệ thống điện | 552.303.493 | 1.194.756.000 |
| Khác | 21.320.942.422 | 2.840.518.992 |
| | 49.918.648.627 | 42.396.905.409 |

38 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu tương ứng trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015 được phân loại lại để phù hợp với cách trình bày của năm nay như sau:

| Mã số | Chi tiêu | 31.12.2015 | | |
|-------|---|----------------------------------|------------------|---------------------------------|
| | | Theo báo cáo năm trước VND | Phân loại VND | Số liệu phân loại lại VND |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | 143.408.191.619 | 22.124.265.847 | 165.532.457.466 |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 2.116.801.650.060 | (22.124.265.847) | 2.094.677.384.213 |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 372.446.661.475 | (22.124.265.847) | 350.322.395.628 |
| 25 | Chi phí bán hàng | 193.326.804.581 | (22.124.265.847) | 171.202.538.734 |

Báo cáo tài chính đã được Ban Giám đốc duyệt ngày 15 tháng 3 năm 2017.



Lê Thị Cẩm Tú
Người lập



Nguyễn Duy Hưng
Kế toán trưởng



Trần Thanh Văn
Tổng Giám đốc



TP. Hồ Chí Minh, ngày 08 tháng 04 năm 2017

Tổng Giám đốc

(ký tên, đóng dấu)

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2016 - PAC



PINACO

CÔNG TY CỔ PHẦN PIN ẮC QUY MIỀN NAM (PAC)

321 Trần Hưng Đạo, P. Cô Giang, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

ĐT: (84 8) 3920 3062 - 3920 3063 * Fax: (84 8) 3920 3060

www.pinaco.com.vn - Mail: pinaco@pinaco.com.vn

